

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 227/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam học tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền và cơ sở giáo dục có học sinh hưởng chính sách.

2. Nghị định này không áp dụng đối với học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

Điều 2. Nguyên tắc hưởng chính sách

1. Học sinh tiểu học và trung học cơ sở thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị định này (gọi là học sinh), đồng thời thuộc đối tượng áp dụng của chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.

2. Học sinh là đối tượng được hưởng chính sách khác về trợ cấp ưu đãi, trợ cấp xã hội, học bổng khuyến khích học tập thì vẫn được hưởng chính sách quy

định tại Nghị định này.

3. Học sinh nếu bị lưu ban thì năm học lưu ban đầu tiên vẫn được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này. Trường hợp học sinh phải tạm dừng học do ốm đau, tai nạn hoặc vì lý do bất khả kháng không do kỷ luật hoặc tự thôi học thì vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này trong thời gian tạm dừng học.

4. Học sinh trong năm học nếu chuyển trường đến học ở địa bàn không thuộc các xã biên giới đất liền thì không được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này.

5. Học sinh thực học tại các cơ sở giáo dục thuộc các xã biên giới đất liền đủ 15 ngày trở lên thì được hưởng chính sách hỗ trợ tròn tháng, ít hơn 15 ngày thì được hưởng chính sách hỗ trợ nửa tháng.

6. Mức hỗ trợ tiền ăn theo quy định tại Nghị định này sẽ được xem xét điều chỉnh phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, tốc độ tăng giá tiêu dùng và mức đời sống của người dân.

Chương II

MỨC HỖ TRỢ VÀ CÁCH THỨC, QUY TRÌNH TRIỂN KHAI

Điều 3. Mức hỗ trợ cho học sinh

1. Chính sách đối với học sinh:

a) Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh 450.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học;

b) Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh được hỗ trợ 08 kg gạo/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học.

2. Học sinh lớp 1 là người dân tộc thiểu số có học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp 1 thì được hưởng thêm 01 tháng các chính sách quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Cách thức triển khai

1. Cơ sở giáo dục được chủ động tổ chức triển khai bữa ăn cho học sinh căn cứ vào điều kiện thực tế, đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

2. Cơ sở giáo dục có tổ chức ăn tập trung tại trường được hưởng các chính sách phục vụ nấu ăn như sau:

a) Hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh tính bằng 50% mức hỗ trợ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

b) Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị

định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

c) Hỗ trợ tiền điện, nước để tổ chức bữa ăn trưa tối đa 50% mức hỗ trợ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

Điều 5. Quy trình xét duyệt đối tượng được hưởng chính sách

1. Vào đầu năm học, các cơ sở giáo dục phổ biến, thông báo rộng rãi về chính sách học sinh hỗ trợ bữa ăn trưa quy định tại Nghị định này.

2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày cơ sở giáo dục thông báo, cơ sở giáo dục lập danh sách các đối tượng đủ điều kiện được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này, thông báo công khai danh sách học sinh được hưởng chính sách theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này tại trụ sở làm việc trong thời hạn 03 ngày làm việc.

3. Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn công khai danh sách học sinh được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này, cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân xã gửi hồ sơ về Phòng Văn hóa - Xã hội, cơ sở giáo dục trực thuộc cấp tỉnh gửi hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của cơ sở giáo dục, Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định phê duyệt danh sách học sinh hưởng chính sách theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân gửi thông báo kết quả phê duyệt cho Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Phòng Văn hóa - Xã hội để thông báo cho các cơ sở giáo dục.

4. Ngay sau khi nhận được quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách học sinh hưởng chính sách, các cơ sở giáo dục có trách nhiệm thông báo công khai và tổ chức triển khai thực hiện chính sách cho học sinh theo quy định.

5. Trường hợp trong năm học phát sinh tăng, giảm học sinh hưởng chính sách, cơ sở giáo dục lập danh sách theo Mẫu 1 và thực hiện quy trình xét duyệt đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại Điều này.

Điều 6. Trình tự, thủ tục và quy trình đề nghị cấp hỗ trợ gạo

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách và các văn bản hướng dẫn điều chỉnh, sửa đổi bổ sung của cấp có thẩm quyền (nếu có).

Chương III

NGUỒN KINH PHÍ VÀ LẬP, PHÂN BỐ DỰ TOÁN, QUẢN LÝ, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách

1. Kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này bao gồm:
 - a) Ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; Ngân sách trung ương hỗ trợ Ngân sách địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 3, kinh phí phục vụ nấu ăn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 theo nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách trung ương cho Ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành được cấp có thẩm quyền quyết định áp dụng cho từng thời kỳ.
 - b) Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác (nếu có) để hỗ trợ thêm cho bữa ăn trưa được đầy đủ và đảm bảo dinh dưỡng theo quy định.
2. Nguồn gạo hỗ trợ từ nguồn dự trữ quốc gia để thực hiện chính sách được cấp từ nguồn dự trữ quốc gia. Kinh phí vận chuyển gạo từ trung tâm các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương kho dự trữ quốc gia đến trung tâm đơn vị hành chính xã được bố trí từ chi dự trữ quốc gia. Kinh phí vận chuyển gạo từ trung tâm đơn vị hành chính cấp xã đến cơ sở giáo dục (đơn vị trực tiếp sử dụng gạo) được cân đối bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Điều 8. Quy trình lập dự toán, phân bổ, quản lý và quyết toán kinh phí

1. Lập dự toán
 - a) Hằng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, các cơ sở giáo dục căn cứ số lượng học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở được hưởng chính sách để xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa và kinh phí hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục (không bao gồm hỗ trợ gạo);
 - b) Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân xã gửi báo cáo dự toán về Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp theo Mẫu số 03 gửi cơ quan tài chính cùng cấp làm căn cứ xác định, bố trí dự toán kinh phí của năm kế hoạch;
 - c) Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, các cơ sở giáo dục trực thuộc cấp tỉnh gửi báo cáo dự toán về Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp làm căn cứ xác định, bố trí dự toán kinh phí của năm kế hoạch.
2. Phân bổ dự toán
 - a) Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề địa phương theo quy định;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề địa phương theo quy định.

3. Quản lý và quyết toán kinh phí

a) Các cơ sở giáo dục được giao kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật;

b) Số liệu quyết toán kinh phí chi trả chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền được tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của đơn vị theo đúng quy định hiện hành của Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành;

c) Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này được thực hiện 1 lần trong năm học vào tháng 12 năm trước năm kế hoạch và được điều chỉnh, bổ sung trong năm nếu có phát sinh theo quy định;

d) Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Nghị định này;

b) Tổ chức, chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này. Thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ.

2. Bộ Tài chính

a) Bảo đảm nguồn ngân sách nhà nước thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách hiện hành;

b) Cấp gao dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh trên cơ sở đề nghị của các tỉnh, thành phố biên giới, bảo đảm phù hợp với thời gian và sự tăng, giảm số lượng học sinh thụ hưởng chính sách trong mỗi học kỳ của năm học; báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả xuất cấp gao dự trữ quốc gia theo quy định;

c) Thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của Chính phủ;

d) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan kiểm

tra việc sử dụng nguồn vốn xây dựng cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục có đối tượng được hưởng chính sách tại Nghị định này.

3. Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành, các địa phương chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này.

4. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh)

a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này. Mức hỗ trợ tại Nghị định này là mức tối thiểu, Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương có thể quyết định bổ sung chính sách hỗ trợ thêm cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này, trong đó có hướng dẫn việc sử dụng kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng thụ hưởng để thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ.

Kiểm tra việc thực hiện chính sách, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi bớt xén tiêu chuẩn ăn của học sinh và các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định.

Thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của Chính phủ.

Xây dựng dự toán ngân sách hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để quyết định các giải pháp bảo đảm cân đối nguồn lực tài chính cho thực hiện chính sách tại địa phương; tổ chức kiểm tra, thanh tra đối với quá trình chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền và phân bổ bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này.

5. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã

a) Hội đồng nhân dân xã

Bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này.

b) Ủy ban nhân dân xã

Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này thuộc phạm vi quản lý.

Kiểm tra việc thực hiện chính sách, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi bớt xén tiêu chuẩn ăn của học sinh và các hành vi vi phạm

pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định.

Thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của Chính phủ,

Xây dựng dự toán ngân sách hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân xã để quyết định các giải pháp bảo đảm cân đối nguồn lực tài chính cho thực hiện chính sách thuộc phạm vi quản lý; tổ chức kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với quá trình chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền và phân bổ bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
2. Xã biên giới trong Nghị định này áp dụng trên địa bàn theo quy định của Chính phủ.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung đó.
4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Thành Long

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Danh sách học sinh hưởng chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa (dùng cho các cơ sở giáo dục có học sinh hưởng chính sách)
Mẫu số 02	Mẫu quyết định phê duyệt
Mẫu số 03	Dự toán đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở

UBND XÃ...../SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC.....

Mẫu số 01

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH
HỖ TRỢ BỮA ĂN TRƯA**

(Dùng cho cơ sở giáo dục có học sinh hưởng chính sách)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm	Tổng số gạo được hỗ trợ/ năm (kg)	Ghi chú
	Tổng cộng							

....., ngày..... tháng.....năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên/đóng dấu)

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

....., ngày..... tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ...(2)...

THẨM QUYỀN BAN HÀNH(3).....

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền;

Căn cứ(4).....

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. ...(5)....

Điều ...Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....

Điều ...

Nơi nhận:

- Như Điều;

-

- Lưu: VT, (6) A.xx (7)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định.

(2) Ghi rõ trích yếu của quyết định

(3) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định

(4) Các căn cứ khác (nếu có) để ban hành quyết định

(5) Ghi rõ nội dung quyết định

(6) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(7) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI /SỞ
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DỰ TOÁN ĐỀ NGHỊ CẤP KINH PHÍ HỖ TRỢ BỮA ĂN TRƯA
CHO HỌC SINH TIỂU HỌC, THCS

(Dùng cho Phòng Văn hóa - Xã hội/Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số lượng HS	Số tháng hỗ trợ	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm	Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (kg)	Tổng số kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
	Tổng cộng						

....., ngày..... tháng.....năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Số: /TTr-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2025

TỜ TRÌNH**Dự thảo Nghị định quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền (dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Thông báo số 177-TB/VPTW ngày 25/4/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với đại diện Đảng ủy Chính phủ và các ban, bộ, ngành Trung ương về tình hình thực hiện các Nghị quyết Trung ương về giáo dục và đào tạo; chuẩn bị Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá giáo dục, đào tạo và một số chủ trương hỗ trợ dạy và học: “*Thống nhất chủ trương Nhà nước hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở xã biên giới, trong đó ưu tiên xã biên giới miền núi (đối tượng bao gồm cả học sinh là người dân tộc thiểu số và học sinh là người dân tộc Kinh sinh sống tại các xã biên giới)... Trước mắt thực hiện tại những xã biên giới đất liền, bắt đầu từ năm học 2025-2026 (tháng 9/2025)*”.

- Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 17/6/2025 về Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã quyết nghị về chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền “*Thống nhất chủ trương giao Chính phủ khẩn trương triển khai thực hiện hỗ trợ ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền từ năm học 2025-2026, trường hợp vượt thẩm quyền của Chính phủ thì báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét, quyết định*”.

- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ¹.

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 đề ra mục tiêu đối với giáo dục phổ thông².

¹ “Thống nhất quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn lực quốc gia. Thống nhất quản lý việc sử dụng ngân sách nhà nước...” (điểm c khoản 5 Điều 10); “Thống nhất quản lý về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, thông tin, truyền thông, đối ngoại và hội nhập quốc tế, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội...” (khoản 6 Điều 10).

² “Giáo dục phổ thông nhằm phát triển toàn diện cho người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm công dân”; “Giáo dục tiểu học nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức,

- Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 về quyền trẻ em³.

- Công văn số 7681/VPCP-KGVX của Văn phòng Chính phủ truyền đạt ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long “*Đồng ý với kiến nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại văn bản nêu trên về việc xây dựng dự thảo Nghị định hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền theo trình tự, thủ tục rút gọn. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản pháp luật có liên quan; trình Chính phủ xem xét ban hành trước ngày 31 tháng 8 năm 2025*”.

- Thông báo số 450/TB-VPCP ngày 28/8/2025 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long tại cuộc họp với Bộ GDĐT về một số nhiệm vụ, đề án “*Bộ Giáo dục và Đào tạo khẩn trương làm việc với Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan để hoàn thiện Hồ sơ trình dự thảo Nghị định hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và quy định của pháp luật; trình Chính phủ xem xét ban hành trước ngày 31 tháng 8 năm 2025*”.

- Các văn bản khác có liên quan đến việc xây dựng dự thảo Nghị định⁴.

2. Cơ sở thực tiễn

- Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu

trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học trung học cơ sở”.

³ “Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện” và nguồn lực bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em “Nguồn tài chính thực hiện quyền trẻ em bao gồm ngân sách nhà nước; ủng hộ của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong nước, nước ngoài; nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ; viện trợ quốc tế và các nguồn thu hợp pháp khác”.

⁴ - Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo “*Mở rộng các chính sách hỗ trợ tài chính, tín dụng ưu đãi cho người học, không để học sinh, sinh viên nào bỏ học vì điều kiện tài chính*”; “*Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kiên cố hoá, hiện đại hoá trường, lớp học; bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn, đặc biệt chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM, không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất. Hoàn thành xây dựng mạng lưới trường phổ thông nội trú tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và biên giới trước năm 2030; mở rộng hệ thống đào tạo dự bị đại học cho học sinh người dân tộc thiểu số, miền núi*”; “*Ban hành quy định của pháp luật để nâng cao dinh dưỡng học đường và thể chất người Việt Nam*”.

- Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới, trong đó có chỉ đạo: “*Nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Hỗ trợ việc ăn, ở cho học sinh, sinh viên vùng địa bàn đặc biệt khó khăn*”; “*Xây dựng và thực hiện chiến lược về phòng, chống suy dinh dưỡng ở trẻ em, nâng cao sức khoẻ, tầm vóc thanh, thiếu niên dân tộc thiểu số*”.

- Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, trong đó định hướng nhiều giải pháp để thực hiện hiệu quả các chính sách xã hội cho vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; giáo dục chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, bãi ngang, ven biển, đảo dân cộng đồng trong tiếp cận giáo dục.

- Nghị quyết số 41/2021/QH15 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XV đã yêu cầu Chính phủ “*Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách cho học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Có giải pháp cụ thể, sớm thu hẹp khoảng cách về giáo dục giữa thành thị và nông thôn, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn*”.

số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

Theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, các đối tượng trẻ em, nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo học bán trú do không thể về nhà trong ngày được hỗ trợ tiền ăn trưa⁵. Mức hưởng chính sách: Mỗi trẻ em nhà trẻ được hỗ trợ tiền ăn trưa mỗi tháng là 360.000 đồng. Mỗi học sinh, học viên được hỗ trợ tiền ăn mỗi tháng là 936.000 đồng. Ngoài ra mỗi học sinh bán trú, học viên bán trú được hỗ trợ tiền nhà ở 360.000 đồng/1 tháng, hỗ trợ gạo mỗi tháng 15 kg. Như vậy, theo quy định hiện hành tại Nghị định 66/2025/NĐ-CP thì chính sách hỗ trợ ăn trưa mới chỉ tập trung vào các đối tượng trẻ em nhà trẻ, học sinh phổ thông học bán trú, có hộ khẩu thường trú tại vùng dân tộc miền núi, vùng đặc biệt khó khăn là con em dân tộc thiểu số hoặc con hộ nghèo, nhà ở xa trường, không thể đi và về trong ngày. Còn lại phần lớn các đối tượng học sinh tiểu học, trung học cơ sở khác học ở các xã biên giới chưa được hưởng chính sách này.

Việc Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền là cần thiết và thiết thực, mang tính nhân văn sâu sắc, tạo ra sự công bằng ngay trong từng lớp học và nhà trường, tránh tình trạng “cùng học một trường nhưng có em được hỗ trợ, có em không được hỗ trợ”; thể hiện sự quan tâm cụ thể, kịp thời của Đảng và Nhà nước đối với học sinh ở vùng cao, vùng biên giới, nơi điều kiện sống và học tập còn nhiều thiếu thốn, qua đó phát triển toàn diện, có đủ bản lĩnh, trí tuệ, sức khỏe (cả thể chất và tinh thần), tạo ra động lực tích cực đối với sự phát triển của ngành giáo dục.

- Nghị định 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về

⁵ Bao gồm: (i) Trẻ em nhà trẻ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn đang học tại cơ sở giáo dục mầm non công lập thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo. Trẻ em nhà trẻ người dân tộc thiểu số thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đang học tại cơ sở giáo dục mầm non công lập thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thuộc một trong các trường hợp trẻ em thuộc hộ nghèo, trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, trẻ em khuyết tật học hòa nhập; (ii) Học sinh tiểu học và trung học cơ sở đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, nhà ở xa trường từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học và từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở, hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, thuộc một trong các trường hợp: Bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn; Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Học sinh trung học phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông, nhà ở xa trường từ 10 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, thuộc một trong các trường hợp: Người dân tộc thiểu số mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn; Người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn; Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (iii) Học viên bán trú đang học tại cơ sở giáo dục thường xuyên mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn, nhà ở xa nơi học tập từ 7 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, 10 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông; hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá thuộc một trong các trường hợp: Là người dân tộc thiểu số; Là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo.

phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ GDĐT.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

- Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền, từng bước hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững và bảo đảm công bằng trong giáo dục giữa các vùng miền trên cả nước; Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về chính sách đối với trẻ em, học sinh, học viên và cơ sở giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới và hải đảo.

- Tiếp tục quan tâm phát triển nguồn nhân lực tại vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, khu vực biên giới; trực tiếp là dinh dưỡng cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở, nâng cao thể trạng, cải thiện sức khỏe cho học sinh, góp phần giữ chân học sinh ở lại trường, hạn chế tình trạng bỏ học giữa chừng, thu hẹp khoảng cách về giáo dục giữa các vùng miền.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

- Xây dựng Nghị định phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất, tính kế thừa của hệ thống pháp luật về chính sách dân tộc, chính sách khu vực biên giới; bảo đảm các nguyên tắc về bình đẳng giới và không làm phát sinh quy định thủ tục hành chính.

- Bảo đảm tất cả học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các cơ sở giáo dục các xã biên giới đất liền (*không bao gồm các học sinh đã được hưởng chế độ tiền ăn tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP*), không phân biệt nơi cư trú, dân tộc đều được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này; tạo sự bình đẳng giữa các học sinh trong cùng một cơ sở giáo dục. Bảo đảm tính khả thi về nguồn lực thực hiện.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị định

Nghị định được xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn. Cụ thể:

- Đã đăng tải dự thảo Nghị định và Tờ trình Chính phủ trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ GDĐT trong thời gian 05 ngày (từ ngày 22/8/2025 - 26/8/2025) để lấy ý kiến rộng rãi của công dân (đã nhận được: 0 ý kiến); đã gửi văn bản xin ý kiến các bộ, cơ quan Trung ương có liên quan (đã nhận được: 13⁶/24 ý kiến); đã gửi văn bản xin ý kiến các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên

⁶ Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Nội Vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Đài truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Quốc phòng, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Công an, Đài tiếng nói Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ.

quan (đã nhận được: 24⁷/34 ý kiến); 01⁸ ý kiến cấp xã; 20 cá nhân góp ý bằng phiếu, 100% số người tham gia góp ý cơ bản nhất trí với các nội dung quy định tại dự thảo Nghị định. Bộ GDĐT đã nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ Nghị định.

- Đã rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, bảo đảm tương thích với các điều ước quốc tế, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, không làm phát sinh thủ tục hành chính và không làm phát sinh các vấn đề về giới.

2. Tình hình thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Công văn số 2241/VPCP-PL ngày 18/3/2025 về việc trình dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

2.1. Về những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện: Dự thảo Nghị định là văn bản ban hành mới, bảo đảm thực hiện theo các chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, tất cả học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các cơ sở giáo dục các xã biên giới đất liền (*chưa được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP*), không phân biệt nơi cư trú, dân tộc đều được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này; tạo ra sự công bằng ngay trong từng lớp học và nhà trường tại các xã biên giới đất liền, tránh tình trạng “*cùng học một trường nhưng có em được hỗ trợ, có em không được hỗ trợ*”. Do vậy, dự thảo Nghị định không có các nội dung cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện.

2.2. Những nội dung lược bỏ: Dự thảo Nghị định là văn bản ban hành mới nên không có nội dung cần lược bỏ.

2.3. Những nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính: Dự thảo Nghị định là văn bản ban hành mới nên không có nội dung cần cắt giảm, đơn giản thủ tục hành chính. Dự thảo Nghị định không phát sinh thủ tục hành chính.

2.4. Những nội dung phân cấp, phân quyền: Dự thảo Nghị định không quy định về phân cấp, phân quyền; bảo đảm phù hợp với quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cấp tỉnh và cấp xã theo chủ trương xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp.

2.5. Những vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Không có

2.6. Kiến nghị phương án giải quyết: Không có

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng quy định tại dự thảo Nghị định như sau:

“1. Nghị định này quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh là

⁷ Cao Bằng, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Lạng Sơn, Huế, Vĩnh Long, Khánh Hòa, Gia Lai, Quảng Ngãi, Hải Phòng, Hưng Yên, Thái Nguyên, Lào Cai, Đồng Nai, Bắc Ninh, Phú Thọ, Quảng Ninh, Lai Châu, Ninh Bình, Điện Biên, An Giang, Tuyên Quang, Nghệ An, Đắk Lắk.

⁸ UBND xã Na Meo, tỉnh Thanh Hóa.

công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam học tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền và cơ sở giáo dục có học sinh hưởng chính sách.

2. Nghị định này không áp dụng đối với học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.”.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm gồm 4 Chương và 10 Điều, cụ thể:

- Chương I (từ Điều 1 đến Điều 2): Quy định chung, gồm quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nguyên tắc hưởng chính sách.

- Chương II (từ Điều 3 đến Điều 6): Quy định về mức hỗ trợ, cách thức, quy trình triển khai, gồm quy định về mức hỗ trợ cho học sinh, cách thức triển khai, quy trình xét duyệt đối tượng được hưởng chính sách và trình tự, thủ tục và quy trình đề nghị cấp hỗ trợ gạo.

- Chương III (từ Điều 7 đến Điều 8): Quy định về nguồn kinh phí và lập, phân bổ dự toán, quản lý, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách, gồm quy định về nguồn kinh phí thực hiện chính sách, quy trình lập dự toán, phân bổ, quản lý và quyết toán kinh phí.

- Chương VI (từ Điều 9 đến Điều 10): Điều khoản thi hành, gồm quy định về tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành Nghị định.

3. Nội dung cơ bản

3.1. Quy định về nguyên tắc hưởng chính sách

Căn cứ các quy định hiện hành và tình hình thực tiễn, dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc hưởng chính sách như sau:

(1) Học sinh tiểu học và trung học cơ sở thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị định này (gọi là học sinh), đồng thời thuộc đối tượng áp dụng của chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó. Học sinh là đối tượng được hưởng chính sách khác về trợ cấp ưu đãi, trợ cấp xã hội, học bổng khuyến khích học tập thì vẫn được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này.

(2) Học sinh nếu bị lưu ban thì năm học lưu ban đầu tiên vẫn được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này. Trường hợp học sinh phải tạm dừng học do ốm đau, tai nạn hoặc vì lý do bất khả kháng không do kỷ luật hoặc tự thôi học thì vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này trong thời gian tạm dừng học. Học sinh trong năm học nếu chuyển trường đến học ở địa bàn không thuộc các xã biên giới đất liền thì không được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này.

(3) Học sinh thực học tại các cơ sở giáo dục thuộc các xã biên giới đất liền

đủ 15 ngày trở lên thì được hưởng chính sách hỗ trợ tròn tháng, ít hơn 15 ngày thì được hưởng chính sách hỗ trợ nửa tháng.

(4) Mức hỗ trợ tiền ăn theo quy định tại Nghị định này sẽ được xem xét điều chỉnh phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, tốc độ tăng giá tiêu dùng và mức đời sống của người dân.

3.2. Mức hỗ trợ, cách thức triển khai

a) Mức hỗ trợ cho học sinh:

- Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh 450.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học.

- Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh được hỗ trợ 08 kg gạo/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học.

- Học sinh lớp 1 là người dân tộc thiểu số có học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp 1 thì được hưởng thêm 01 tháng các chính sách quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Cách thức triển khai:

- Cơ sở giáo dục được chủ động tổ chức triển khai bữa ăn cho học sinh căn cứ vào điều kiện thực tế, đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

- Cơ sở giáo dục có tổ chức ăn tập trung tại trường được hưởng các chính sách phục vụ nấu ăn như sau: (1) Hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh tính bằng 50% mức hỗ trợ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP; (2) Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP; (3) Hỗ trợ tiền điện, nước để tổ chức bữa ăn trưa tối đa 50% mức hỗ trợ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

3.3. Quy trình xét duyệt đối tượng được hưởng chính sách

- Vào đầu năm học, các cơ sở giáo dục phổ biến, thông báo rộng rãi về chính sách học sinh hỗ trợ bữa ăn trưa quy định tại Nghị định này.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày cơ sở giáo dục thông báo, cơ sở giáo dục lập danh sách các đối tượng đủ điều kiện được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này, thông báo công khai danh sách học sinh được hưởng chính sách theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này tại trụ sở làm việc trong thời hạn 03 ngày làm việc.

- Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn công khai danh sách học sinh được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này, cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân xã gửi hồ sơ về Phòng Văn hóa - Xã hội, cơ sở giáo dục trực thuộc cấp tỉnh gửi hồ sơ về Sở GDĐT.

Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của cơ sở giáo dục, Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở GDĐT trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định phê duyệt danh sách học sinh hưởng chính sách theo Mẫu số 02 quy

định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân gửi thông báo kết quả phê duyệt cho Sở GDĐT hoặc Phòng Văn hóa - Xã hội để thông báo cho các cơ sở giáo dục.

- Ngay sau khi nhận được quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách học sinh hưởng chính sách, các cơ sở giáo dục có trách nhiệm thông báo công khai và tổ chức triển khai thực hiện chính sách cho học sinh theo quy định.

- Trường hợp trong năm học phát sinh tăng, giảm học sinh hưởng chính sách, cơ sở giáo dục lập danh sách theo Mẫu 1 và thực hiện quy trình xét duyệt đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại Điều này.

- Trình tự, thủ tục và quy trình đề nghị cấp hỗ trợ gạo: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 và các văn bản hướng dẫn điều chỉnh, sửa đổi bổ sung của cấp có thẩm quyền (nếu có).

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

.....

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; Ngân sách trung ương hỗ trợ Ngân sách địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 3, kinh phí phục vụ nấu ăn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 theo nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách trung ương cho Ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành được cấp có thẩm quyền quyết định áp dụng cho từng thời kỳ; Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác (nếu có) để hỗ trợ thêm cho bữa ăn trưa được đầy đủ và đảm bảo dinh dưỡng theo quy định.

Qua báo cáo của các địa phương⁹, số liệu học sinh năm học 2025-2026 học ở các xã biên giới đất liền (sau khi sắp xếp) dự kiến được hưởng chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa khoảng 417.708 học sinh (*trong đó: 241.976 học sinh tiểu học, chiếm 57,9%; 175.733 học sinh trung học cơ sở, chiếm 42,1%*). Đây là số học sinh tiểu học và trung học cơ sở ước tính của các xã biên giới đất liền sau khi sáp nhập (*số học sinh hưởng chính sách bằng ước số học sinh năm học 2025-2026 tại các xã biên giới đất liền trừ số học sinh thuộc đối tượng được hưởng chế độ tại Nghị định 66/2025/NĐ-CP*).

Dự kiến ngân sách cần để hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền là 2.006.895 triệu đồng/năm và 30.075 tấn gạo/năm¹⁰ (*Chi tiết số liệu tại Phụ lục kèm theo*).

⁹ Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lào Cai, Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Thành phố Huế, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Tây Ninh, Tiền Giang, Quảng Ninh, Lai Châu, Thành phố Đà Nẵng, Lai Châu, Đồng Nai.

¹⁰ gồm có: (i) chính sách hỗ trợ tiền ăn cho học sinh: khoảng 1.688.513 triệu đồng/năm; (ii) chính sách hỗ trợ gạo cho học sinh: 30.075 tấn gạo/năm; (iii) kinh phí để cơ sở giáo dục tổ chức bữa ăn trưa cho học sinh (kinh phí phục

2. Nguồn nhân lực để thực hiện chính sách: các cơ sở giáo dục bố trí nhân lực thực hiện.

3. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh bao gồm:

- Tuyên truyền, phổ biến chính sách: các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức phổ biến, tuyên truyền chính sách và các quy định liên quan.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có trách nhiệm bảo đảm nguồn ngân sách nhà nước thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; Cấp gao dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh trên cơ sở đề nghị của các tỉnh, thành phố biên giới, bảo đảm phù hợp với thời gian và sự tăng, giảm số lượng học sinh thụ hưởng chính sách trong mỗi học kỳ của năm học; báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả xuất cấp gao dự trữ quốc gia theo quy định.

+ Bộ GDĐT phối hợp các Bộ, ngành có liên quan và địa phương chỉ đạo thực hiện và triển khai có hiệu quả chính sách.

+ Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp: Bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo phân cấp quản lý, phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng thụ hưởng để thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ. Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương có thể quyết định bổ sung chính sách hỗ trợ thêm cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền, Bộ GDĐT xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm theo Tờ trình này: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; (3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo văn bản; (4) Báo cáo thẩm định; (5) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Bộ Tư pháp (để p/h);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Kim Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DỰ KIẾN NGÂN SÁCH HỖ TRỢ TỔ CHỨC BỮA ĂN TRƯA CHO HỌC SINH HỌC Ở CÁC XÃ BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN (SAU KHI SÁP NHẬP)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BGDDĐT ngày / /2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	TÊN TỈNH	Cấp học	Số trường TH, THCS (trường liên cấp tính vào THCS)	Học sinh năm học 2025-2026 (sau sát nhập xã)	Số học sinh năm học 2025-2026 được hưởng tiền ăn tại Nghị định 66/2025	Số học sinh năm học 2025-2026 chưa được hưởng tiền ăn tại Nghị định 66/2025	Tổng kinh phí địa phương đề xuất hỗ trợ		Tổng kinh phí địa phương thực hiện	Tổng kinh phí đề xuất trung ương hỗ trợ	DỰ KIẾN KINH PHÍ HỖ TRỢ BẰNG TIỀN		DỰ KIẾN HỖ TRỢ GẠO (Tấn gạo)	DỰ KIẾN HỖ TRỢ CƠ SỞ GIÁO DỤC TỔ CHỨC BỮA ĂN TRƯA (Triệu đồng) **
							Mức hỗ trợ ăn trưa (Nghìn đồng/học sinh/tháng) x số ngày học thực tế	Tổng kinh phí đề xuất (Triệu đồng/ năm học)			Mức hỗ trợ ăn trưa (nghìn đồng/cháu)	TỔNG KINH PHÍ ĐỀ XUẤT (Triệu đồng)		
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(5)	(6)=(4)x(5)x9	(7)	(8)=(7)-(6)	(9)	(10)=(9)x(4)x9	(11)	(12)
1	TỈNH QUẢNG NINH (*)		10	10.558	294	10.264		86.464	0	86.464		41.569	739	7.823
		Tiểu học	5	5.461	53	5.408	936	45.557	0	45.557	450	21.902	389	4.122
		THCS	5	5.097	241	4.856	936	40.907	0	40.907	450	19.667	350	3.701
2	TỈNH LẠNG SƠN		64	16.897	3.262	13.635		67.007	0	67.007		55.222	982	10.393
		Tiểu học	30	9.403	1.702	7.701	506	35.070	0	35.070	450	31.189	554	5.870
		THCS	34	7.494	1.560	5.934	598	31.937	0	31.937	450	24.033	427	4.523
3	TỈNH CAO BẰNG		107	28.996	12.028	16.968		74.024	0	74.024		68.720	1.222	12.933
		Tiểu học	40	16.326	6.258	10.068	440	39.869	0	39.869	450	40.775	725	7.674
		THCS	67	12.670	5.770	6.900	550	34.155	0	34.155	450	27.945	497	5.259
4	TỈNH TUYÊN QUANG		90	47.390	24.897	22.493		91.097	0	91.097		91.097	1.619	17.144
		Tiểu học	43	28.473	14.277	14.196	450	57.494	0	57.494	450	57.494	1.022	10.820
		THCS	47	18.917	10.620	8.297	450	33.603	0	33.603	450	33.603	597	6.324
5	TỈNH LÀO CAI		59	25.873	7.476	18.397		91.065	0	91.065		74.508	1.325	14.022

TT	TÊN TỈNH	Cấp học	Số trường TH, THCS (trường liên cấp tính vào THCS)	Học sinh năm học 2025-2026 (sau sát nhập xã)	Số học sinh năm học 2025-2026 được hưởng tiền ăn tại Nghị định 66/2025	Số học sinh năm học 2025-2026 chưa được hưởng tiền ăn tại Nghị định 66/2025	Tổng kinh phí địa phương đề xuất hỗ trợ		Tổng kinh phí địa phương thực hiện	Tổng kinh phí đề xuất trung ương hỗ trợ	DỰ KIẾN KINH PHÍ HỖ TRỢ BẢNG TIỀN		DỰ KIẾN HỖ TRỢ GẠO (Tấn gạo)	DỰ KIẾN HỖ TRỢ CƠ SỞ GIÁO DỤC TỔ CHỨC BỮA ĂN TRƯA (Triệu đồng) **
							Mức hỗ trợ ăn trưa (Nghìn đồng/học sinh/tháng) x số ngày học thực tế	Tổng kinh phí đề xuất (Triệu đồng/ năm học)			Mức hỗ trợ ăn trưa (nghìn đồng/cháu)	TỔNG KINH PHÍ ĐỀ XUẤT (Triệu đồng)		
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(5)	(6)=(4)x(5)x9	(7)	(8)=(7)-(6)	(9)	(10)=(9)x(4)x9	(11)	(12)
		Tiểu học	25	14.508	3.481	11.027	550	54.584	0	54.584	450	44.659	794	8.405
		THCS	34	11.365	3.995	7.370	550	36.482	0	36.482	450	29.849	531	5.617
6	TỈNH LAI CHÂU (*)		47	26.315	5.462	20.853		175.666	0	175.666		84.455	1.501	15.894
		Tiểu học	25	14.523	2.477	12.046	936	101.476		101.476	450	48.786	867	9.182
		THCS	22	11.792	2.985	8.807	936	74.190		74.190	450	35.668	634	6.713
7	TỈNH ĐIỆN BIÊN		83	41.891	19.303	22.588		103.699	0	103.699		91.481	1.626	17.217
		Tiểu học	43	24.082	10.426	13.656	484	59.486	0	59.486	450	55.307	983	10.409
		THCS	40	17.809	8.877	8.932	550	44.213	0	44.213	450	36.175	643	6.808
8	TỈNH SƠN LA		51	38.201	7.395	30.806		121.992	0	121.992		124.764	2.218	23.481
		Tiểu học	26	21.982	3.391	18.591	440	73.620	0	73.620	450	75.294	1.339	14.170
		THCS	25	16.219	4.004	12.215	440	48.371	0	48.371	450	49.471	879	9.310
9	TỈNH THANH HÓA		41	15.057	1.506	13.551		65.487	0	65.487		51.678	976	10.329
		Tiểu học	21	7.912	791	7.121	480	30.762		30.762	400	25.635	513	5.428
		THCS	20	7.145	715	6.431	600	34.725		34.725	450	26.044	463	4.901
10	TỈNH NGHỆ AN		97	41.834	10.733	31.101		153.950	0	153.950		125.959	2.239	23.705
		Tiểu học	52	23.462	4.783	18.679	550	92.461	0	92.461	450	75.650	1.345	14.237

TT	TÊN TỈNH	Cấp học	Số trường TH, THCS (trường liên cấp tính vào THCS)	Học sinh năm học 2025-2026 (sau sát nhập xã)	Số học sinh năm học 2025-2026 được hưởng tiền ăn tại Nghị định 66/2025	Số học sinh năm học 2025-2026 chưa được hưởng tiền ăn tại Nghị định 66/2025	Tổng kinh phí địa phương đề xuất hỗ trợ		Tổng kinh phí địa phương thực hiện	Tổng kinh phí đề xuất trung ương hỗ trợ	DỰ KIẾN KINH PHÍ HỖ TRỢ BẢNG TIỀN		DỰ KIẾN HỖ TRỢ GẠO (Tấn gạo)	DỰ KIẾN HỖ TRỢ CƠ SỞ GIÁO DỤC TỔ CHỨC BỮA ĂN TRƯA (Triệu đồng) **
							Mức hỗ trợ ăn trưa (Nghìn đồng/học sinh/tháng) x số ngày học thực tế	Tổng kinh phí đề xuất (Triệu đồng/ năm học)			Mức hỗ trợ ăn trưa (nghìn đồng/cháu)	TỔNG KINH PHÍ ĐỀ XUẤT (Triệu đồng)		
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(5)	(6)=(4)x(5)x9	(7)	(8)=(7)-(6)	(9)	(10)=(9)x(4)x9	(11)	(12)
		THCS	45	18.372	5.950	12.422	550	61.489	0	61.489	450	50.309	894	9.468
11	TỈNH HÀ TĨNH		29	15.795	288	15.507		133.980	0	133.980		62.803	1.117	11.820
		Tiểu học	18	7.820	247	7.573	960	65.431	0	65.431	450	30.671	545	5.772
		THCS	11	7.975	41	7.934	960	68.550	0	68.550	450	32.133	571	6.047
12	TỈNH QUẢNG TRỊ		65	30.511	6.744	23.767		97.540	0	97.540		96.256	1.711	18.115
		Tiểu học	24	18.360	3.372	14.988	456	61.511		61.511	450	60.701	1.079	11.424
		THCS	41	12.151	3.372	8.779	456	36.029		36.029	450	35.555	632	6.691
13	THÀNH PHỐ HUẾ		26	9.513	280	9.233		54.844	0	54.844		37.394	665	7.037
		Tiểu học	20	5.812	0	5.812	660	34.523	0	34.523	450	23.539	418	4.430
		THCS	6	3.701	280	3.421	660	20.321	0	20.321	450	13.855	246	2.608
14	THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG (*)		24	5.652	1.731	3.921		15.880	0	15.880		15.880	282	2.989
		Tiểu học	12	3.407	886	2.521	450	10.210		10.210	450	10.210	182	1.922
		THCS	12	2.245	845	1.400	450	5.670		5.670	450	5.670	101	1.067
15	TỈNH QUẢNG NGÃI		3	1.812	1.023	789		3.835	0	3.835		3.195	57	601
		Tiểu học	2	1.437	803	634	540	3.081	0	3.081	450	2.568	46	483
		THCS	1	375	220	155	540	753	0	753	450	628	11	118

TT	TÊN TỈNH	Cấp học	Số trường TH, THCS (trường liên cấp tính vào THCS)	Học sinh năm học 2025-2026 (sau sát nhập xã)	Số học sinh năm học 2025-2026 được hưởng tiền ăn tại Nghị định 66/2025	Số học sinh năm học 2025-2026 chưa được hưởng tiền ăn tại Nghị định 66/2025	Tổng kinh phí địa phương đề xuất hỗ trợ		Tổng kinh phí địa phương thực hiện	Tổng kinh phí đề xuất trung ương hỗ trợ	DỰ KIẾN KINH PHÍ HỖ TRỢ BẢNG TIỀN		DỰ KIẾN HỖ TRỢ GẠO (Tấn gạo)	DỰ KIẾN HỖ TRỢ CƠ SỞ GIÁO DỤC TỔ CHỨC BỮA ĂN TRƯA (Triệu đồng) **
							Mức hỗ trợ ăn trưa (Nghìn đồng/học sinh/tháng) x số ngày học thực tế	Tổng kinh phí đề xuất (Triệu đồng/ năm học)			Mức hỗ trợ ăn trưa (nghìn đồng/cháu)	TỔNG KINH PHÍ ĐỀ XUẤT (Triệu đồng)		
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(5)	(6)=(4)x(5)x9	(7)	(8)=(7)-(6)	(9)	(10)=(9)x(4)x9	(11)	(12)
16	TỈNH GIA LAI		13	9.482	71	9.411		65.061	0	65.061		38.115	678	7.173
		Tiểu học	6	5.695	60	5.635	720	36.515	0	36.515	450	22.822	406	4.295
		THCS	7	3.787	11	3.776	840	28.547	0	28.547	450	15.293	272	2.878
17	TỈNH ĐẮK LẮK		13	4.564	456	4.108		18.044	0	18.044		16.637	296	3.131
		Tiểu học	7	2.587	273	2.314	440	9.163	0	9.163	450	9.372	167	1.764
		THCS	6	1.977	183	1.794	550	8.880	0	8.880	450	7.266	129	1.367
18	TỈNH LÂM ĐỒNG		26	17.670	1.220	16.450		62.484	0	62.484		66.623	1.184	12.538
		Tiểu học	15	10.126	930	9.196	400	33.106		33.106	450	37.244	662	7.009
		THCS	11	7.544	290	7.254	450	29.379		29.379	450	29.379	522	5.529
19	TỈNH ĐỒNG NAI (*)		40	19.332	1.160	18.172		153.081	0	153.081		73.597	1.308	13.851
	Sáp nhập tỉnh Bình Phước	Tiểu học	22	12.050	969	11.081	936	93.346		93.346	450	44.878	798	8.446
		THCS	18	7.282	191	7.091	936	59.735		59.735	450	28.719	511	5.405
20	TỈNH TÂY NINH (*)		73	88.992	35.317	53.675		351.480	0	351.480		217.383	3.865	40.911
	Sát nhập tỉnh Long An	Tiểu học	44	49.265	19.646	29.619	750	199.926		199.926	450	119.956	2.133	22.576
		THCS	29	39.727	15.671	24.056	700	151.553		151.553	450	97.427	1.732	18.336
21	TỈNH TIỀN GIANG		46	26.935	0	26.935		226.900	0	226.900		109.087	1.939	20.530

TT	TÊN TỈNH	Cấp học	Số trường TH, THCS (trường liên cấp tính vào THCS)	Học sinh năm học 2025-2026 (sau sát nhập xã)	Số học sinh năm học 2025-2026 được hưởng tiền ăn tại Nghị định 66/2025	Số học sinh năm học 2025-2026 chưa được hưởng tiền ăn tại Nghị định 66/2025	Tổng kinh phí địa phương đề xuất hỗ trợ		Tổng kinh phí địa phương thực hiện	Tổng kinh phí đề xuất trung ương hỗ trợ	DỰ KIẾN KINH PHÍ HỖ TRỢ BẢNG TIỀN		DỰ KIẾN HỖ TRỢ GẠO (Tấn gạo)	DỰ KIẾN HỖ TRỢ CƠ SỞ GIÁO DỤC TỔ CHỨC BỮA ĂN TRƯA (Triệu đồng) **	
							Mức hỗ trợ ăn trưa (Nghìn đồng/học sinh/tháng) x số ngày học thực tế	Tổng kinh phí đề xuất (Triệu đồng/ năm học)			Mức hỗ trợ ăn trưa (nghìn đồng/cháu)	TỔNG KINH PHÍ ĐỀ XUẤT (Triệu đồng)			
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(5)	(6)=(4)x(5)x9	(7)	(8)=(7)-(6)	(9)	(10)=(9)x(4)x9	(11)	(12)	
	Sáp nhập tỉnh Đồng Tháp	Tiểu học	29	14.652		14.652	936	123.428		123.428	450	59.341	1.055	11.168	
		THCS	17	12.283		12.283	936	103.472		103.472	450	49.746	884	9.362	
22	TỈNH AN GIANG		61	35.484	400	35.084		133.334	0	133.334		142.090	2.526	26.741	
	Sát nhập Kiên Giang	Tiểu học	38	19.858	400	19.458	400	70.049		70.049	450	78.805	1.401	14.831	
		THCS	23	15.626		15.626	450	63.285		63.285	450	63.285	1.125	11.910	
TỔNG SỐ				1.068	558.754	141.046	417.708	2.346.913	0	2.346.913		1.688.513	30.075	318.381	
			Tiểu học	547	317.201	75.225	241.976	57,9%	1.330.668	0	1.330.668		976.797	17.422	184.436
			THCS	521	241.553	65.821	175.733		1.016.245	0	1.016.245		711.717	12.653	133.945

Ghi chú:

(*) Số liệu các tỉnh cung cấp thời điểm trước khi sáp nhập tỉnh

(**) Hỗ trợ cơ sở giáo dục có học sinh hưởng chính sách (chưa bao gồm cơ sở vật chất, thiết bị - nếu có): (1) Hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh tính bằng 50% mức hỗ trợ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP; (2) Hỗ trợ tiền điện, nước để tổ chức bữa ăn trưa tối đa 50% mức hỗ trợ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7, Chi tiết như sau:

(I) Kinh phí phục vụ nấu ăn: 2.369.250 đồng/45 học sinh

(ii) Hỗ trợ tiền điện phục vụ nấu ăn: 7,5Kw/học sinh/tháng, tương đương 15.450 đồng/học sinh/tháng (đơn giá tạm tính: 2.072đồng/Kw theo Quyết định số 1279/QĐ-BCT ngày 09/5/2025 áp dụng cho bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông)

(iii) Hỗ trợ tiền nước phục vụ nấu ăn: 1,5 m3/học sinh/tháng, tương đương 24.750 đồng/tháng (đơn giá tạm tính: 11.000đồng/m2 áp dụng cho Khung giá nước sạch sinh hoạt tối thiểu và tối đa hiện nay được quy định tại Điều 3 Thông tư 44/2021/TT-BTC, khu vực nông thôn)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ BỮA ĂN TRƯA CHO HỌC SINH TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ HỌC Ở CÁC XÃ BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Chưa có	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Nghị định này quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam học tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền và cơ sở giáo dục có học sinh hưởng chính sách. 2. Nghị định này không áp dụng đối với học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.	Bảo đảm thực hiện theo các chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, tất cả học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các cơ sở giáo dục các xã biên giới đất liền (<i>không bao gồm các học sinh đã được hưởng chế độ tiền ăn tại Nghị định số 66</i>), không phân biệt nơi cư trú, dân tộc đều được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này; tạo ra sự công bằng ngay trong từng lớp học và nhà trường, tránh tình trạng “cùng học một trường nhưng có em được hỗ trợ, có em không được hỗ trợ”. Đây là nguyên tắc quan trọng trong giáo dục, bởi sự bình đẳng trong thụ hưởng chính sách sẽ góp phần củng cố môi trường học đường đoàn kết, thống nhất. Đồng thời lấy tiêu chí “<i>học ở các xã biên giới đất liền</i>” làm căn cứ, do đó dễ dàng quản lý và thực hiện. Nhà trường có thể tổ chức bữa ăn trưa cho toàn bộ học sinh đang học ở trường. Chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục dễ dàng theo dõi, giám sát, không cần phải đối chiếu hộ khẩu hay

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		nơi cư trú, giảm thiểu được các nguy cơ khiếu kiện, khiếu nại về đối tượng thụ hưởng.
Chưa có	Điều 2. Nguyên tắc hưởng chính sách 1. Học sinh tiểu học và trung học cơ sở thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị định này (gọi là học sinh), đồng thời thuộc đối tượng áp dụng của chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó. 2. Học sinh là đối tượng được hưởng chính sách khác về trợ cấp ưu đãi, trợ cấp xã hội, học bổng khuyến khích học tập thì vẫn được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này. 3. Học sinh nếu bị lưu ban thì năm học lưu ban đầu tiên vẫn được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này. Trường hợp học sinh phải tạm dừng học do ốm đau, tai nạn hoặc vì lý do bất khả kháng không do kỷ luật hoặc tự thôi học thì vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này trong thời gian tạm dừng học. 4. Học sinh trong năm học nếu chuyển trường đến học ở địa bàn không thuộc các xã biên giới đất liền thì không được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này. 5. Học sinh thực học tại các cơ sở giáo dục thuộc các xã biên giới đất liền đủ 15 ngày trở lên thì được hưởng chính sách hỗ trợ tròn tháng, ít hơn 15 ngày thì được hưởng chính sách hỗ trợ nửa tháng. 6. Mức hỗ trợ tiền ăn theo quy định tại Nghị định này sẽ được xem xét điều chỉnh phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, tốc độ tăng giá tiêu dùng và mức đời sống của người dân.	Bảo đảm thuận lợi khi triển khai chính sách, cụ thể các trường hợp được hưởng và không được hưởng chính sách; bao quát các trường hợp có thể phát sinh trong thực tế khi triển khai.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Chưa có	Điều 3. Mức hỗ trợ cho học sinh 1. Chính sách đối với học sinh: a) Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh 450.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học; b) Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh được hỗ trợ 08 kg gạo/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học. 2. Học sinh lớp 1 là người dân tộc thiểu số có học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp 1 thì được hưởng thêm 01 tháng các chính sách quy định tại khoản 1 Điều này.	Bảo đảm thống nhất với mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách; góp phần giúp các em nhỏ nơi vùng cao biên giới còn gặp nhiều khó khăn nâng cao thể trạng, duy trì và tăng cường sức khỏe, sức đề kháng, có tinh thần sức khỏe tốt để yên tâm bám lớp, bám trường, cố gắng học tập, rèn luyện; tạo thuận lợi khi triển khai bữa ăn trưa tại trường đối với trường tiểu học và trung học cơ sở (theo Thông báo 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị, các trường phổ thông nội trú xã biên giới đất liền được xây dựng theo mô hình liên cấp).
Chưa có	Điều 4. Cách thức triển khai 1. Cơ sở giáo dục được chủ động tổ chức triển khai bữa ăn cho học sinh căn cứ vào điều kiện thực tế, đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định. 2. Cơ sở giáo dục có tổ chức ăn tập trung tại trường được hưởng các chính sách phục vụ nấu ăn như sau: a) Hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh tính bằng 50% mức hỗ trợ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;	Bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế tại các địa phương, giao quyền chủ động cho các cơ sở giáo dục để tổ chức bữa ăn trưa cho học sinh, phù hợp với nội dung Chính phủ trình báo cáo Quốc hội “Ngân sách nhà nước hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh các cơ sở giáo dục để tổ chức bữa ăn trưa tại các cơ sở giáo dục”. Nghị định quy định về chính sách hỗ trợ tổ chức bữa ăn trưa cho học sinh, do vậy việc hỗ trợ cho cơ sở giáo dục để phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện chính sách là cần thiết (người thụ hưởng chính sách này vẫn là học sinh), phù hợp với các chính sách tương tự quy định tại Nghị định số 66/2025NĐ-CP.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	b) Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách; c) Hỗ trợ tiền điện, nước để tổ chức bữa ăn trưa tối đa 50% mức hỗ trợ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.	
Chưa có	Điều 5. Quy trình xét duyệt đối tượng được hưởng chính sách 1. Vào đầu năm học, các cơ sở giáo dục phổ biến, thông báo rộng rãi về chính sách học sinh hỗ trợ bữa ăn trưa quy định tại Nghị định này. 2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày cơ sở giáo dục thông báo, cơ sở giáo dục lập danh sách các đối tượng đủ điều kiện được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này, thông báo công khai danh sách học sinh được hưởng chính sách theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này tại trụ sở làm việc trong thời hạn 03 ngày làm việc. 3. Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn công khai danh sách học sinh được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này, cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân xã gửi hồ sơ về Phòng Văn hóa - Xã hội, cơ sở giáo dục trực thuộc cấp tỉnh gửi hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo. Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của cơ sở giáo dục, Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo trình	Quy định phù hợp với quy trình xét duyệt đối tượng quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, có cắt giảm bớt thủ tục, giấy tờ yêu cầu đối với học sinh, giao trách nhiệm cho cơ sở giáo dục để đảm bảo đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định phê duyệt danh sách học sinh hưởng chính sách theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân gửi thông báo kết quả phê duyệt cho Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Phòng Văn hóa – Xã hội để thông báo cho các cơ sở giáo dục. 4. Ngay sau khi nhận được quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách học sinh hưởng chính sách, các cơ sở giáo dục có trách nhiệm thông báo công khai và tổ chức triển khai thực hiện chính sách cho học sinh theo quy định. 5. Trường hợp trong năm học phát sinh tăng, giảm học sinh hưởng chính sách, cơ sở giáo dục lập danh sách theo Mẫu 1 và thực hiện quy trình xét duyệt đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại Điều này.	
Chưa có	Điều 6. Trình tự, thủ tục và quy trình đề nghị cấp hỗ trợ gạo Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách và các văn bản hướng dẫn điều chỉnh, sửa đổi bổ sung của cấp có thẩm quyền (nếu có).	Bảo đảm thống nhất với trình tự, thủ tục đề nghị cấp hỗ trợ gạo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.
Chưa có	Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách 1. Kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này bao gồm: a) Ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; Ngân sách trung ương hỗ trợ Ngân sách địa phương để thực	Bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách; hỗ trợ bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng địa phương bao gồm bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu; phù hợp với đề xuất sửa đổi Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 3, kinh phí phục vụ nấu ăn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 theo nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách trung ương cho Ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành được cấp có thẩm quyền quyết định áp dụng cho từng thời kỳ. b) Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác (nếu có) để hỗ trợ thêm cho bữa ăn trưa được đầy đủ và đảm bảo dinh dưỡng theo quy định. 2. Nguồn gạo hỗ trợ từ nguồn dự trữ quốc gia để thực hiện chính sách được cấp từ nguồn dự trữ quốc gia. Kinh phí vận chuyển gạo từ trung tâm các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương kho dự trữ quốc gia đến trung tâm đơn vị hành chính xã được bố trí từ chi dự trữ quốc gia. Kinh phí vận chuyển gạo từ trung tâm đơn vị hành chính cấp xã đến cơ sở giáo dục (đơn vị trực tiếp sử dụng gạo) được cân đối bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.	Chính phủ tại văn bản số 6071/BTC-DTNN ngày 07/5/2025 của Bộ Tài chính và thực hiện theo Thông tư số 60/2025/TT-BTC ngày 27/6/2025 của Bộ Tài chính quy định về quy trình, trình tự, thủ tục thực hiện phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực dự trữ quốc gia và nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ.
Chưa có	Điều 8. Quy trình lập dự toán, phân bổ, quản lý và quyết toán kinh phí 1. Lập dự toán a) Hằng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, các cơ sở giáo dục căn cứ số lượng học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở được hưởng chính sách để xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa và kinh phí hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục (không bao gồm hỗ trợ gạo); b) Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân xã gửi báo cáo dự toán về Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng	Bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	hợp theo Mẫu số 03 gửi cơ quan tài chính cùng cấp làm căn cứ xác định, bố trí dự toán kinh phí của năm kế hoạch; c) Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, các cơ sở giáo dục trực thuộc cấp tỉnh gửi báo cáo dự toán về Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp làm căn cứ xác định, bố trí dự toán kinh phí của năm kế hoạch. 2. Phân bổ dự toán a) Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề địa phương theo quy định; b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề địa phương theo quy định. 3. Quản lý và quyết toán kinh phí a) Các cơ sở giáo dục được giao kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật; b) Số liệu quyết toán kinh phí chi trả chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền được tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của đơn vị theo đúng quy định hiện hành của Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành; c) Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	3 Nghị định này được thực hiện 1 lần trong năm học vào tháng 12 năm trước năm kế hoạch và được điều chỉnh, bổ sung trong năm nếu có phát sinh theo quy định; d) Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.	
Chưa có	Điều 9. Tổ chức thực hiện 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Nghị định này; b) Tổ chức, chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này. Thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ. 2. Bộ Tài chính a) Bảo đảm nguồn ngân sách nhà nước thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; b) Cấp gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh trên cơ sở đề nghị của các tỉnh, thành phố biên giới, bảo đảm phù hợp với thời gian và sự tăng, giảm số lượng học sinh thụ hưởng chính sách trong mỗi học kỳ của năm học; báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả xuất cấp gạo dự trữ quốc gia theo quy định; c) Thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của Chính phủ; d) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn xây dựng cơ sở vật chất cho các cơ	Bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ; phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	sở giáo dục có đối tượng được hưởng chính sách tại Nghị định này. 3. Bộ Dân tộc và Tôn giáo Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành, các địa phương chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này. 4. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh Bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này. Mức hỗ trợ tại Nghị định này là mức tối thiểu, Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương có thể quyết định bổ sung chính sách hỗ trợ thêm cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn nếu phù hợp. b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này, trong đó có hướng dẫn việc sử dụng kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng thụ hưởng để thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ. Kiểm tra việc thực hiện chính sách, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi bớt xén tiêu chuẩn ăn của học sinh và các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định. Thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của Chính phủ. Xây dựng dự toán ngân sách hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để quyết định các giải pháp bảo đảm cân đối nguồn lực tài chính cho thực hiện chính sách tại địa phương; tổ chức kiểm tra, thanh tra đối với quá trình chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách của	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	các đơn vị dự toán trực thuộc theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền và phân bổ bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này. 5. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã a) Hội đồng nhân dân xã Bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này. b) Ủy ban nhân dân xã Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này thuộc phạm vi quản lý. Kiểm tra việc thực hiện chính sách, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi bớt xén tiêu chuẩn ăn của học sinh và các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định. Thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của Chính phủ, Xây dựng dự toán ngân sách hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân xã để quyết định các giải pháp bảo đảm cân đối nguồn lực tài chính cho thực hiện chính sách thuộc phạm vi quản lý; tổ chức kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với quá trình chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền và phân bổ bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này.	
Chưa có	Điều 10. Hiệu lực thi hành	Để đảm bảo thuận lợi khi triển khai (trong trường hợp

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. 2. Xã biên giới trong Nghị định này áp dụng trên địa bàn theo quy định của Chính phủ. 3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung đó. 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	Chính phủ có các quy định liên quan đến xã biên giới và trong trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Nghị định được thay thế, sửa đổi, bổ sung).

Số: **1533**/BC-BGDĐT

Hà Nội, ngày **08** tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT) đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền. Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

1.1. Mục đích

- Hệ thống hóa đầy đủ, toàn diện đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền, từng bước hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững và bảo đảm công bằng trong giáo dục giữa các vùng miền trên cả nước.

- Đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật hiện hành về hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh, để phát hiện những điểm hạn chế, chồng chéo, mâu thuẫn, những “khoảng trống pháp lý”, từ đó đề xuất phương án xử lý, quy phạm hóa chính sách, bảo đảm tính phù hợp, đồng bộ, thống nhất của quy định pháp luật.

- Hệ thống hóa đầy đủ các Điều ước quốc tế có liên quan, làm cơ sở cho việc đánh giá tính đồng bộ, mức độ tương thích của pháp luật Việt Nam với Điều ước quốc tế; từ đó đề xuất những chính sách cho phù hợp.

1.2. Yêu cầu

- Bám sát quan điểm chỉ đạo, mục tiêu thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới¹; Nghị quyết số 41/2021/QH15 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ

¹ Nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Hỗ trợ việc ăn, ở cho học sinh, sinh viên vùng địa bàn đặc biệt khó khăn

hợp thứ 2 Quốc hội khóa XV²; Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, trong đó định hướng nhiều giải pháp để thực hiện hiệu quả các chính sách xã hội cho vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; giáo dục chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, bãi ngang, ven biển, đảo đảm cộng bằng trong tiếp cận giáo dục; Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 17/6/2025 về Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV, Quốc hội quyết nghị về chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền³; Thông báo số 177-TB/VPTW ngày 25/4/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với đại diện Đảng ủy Chính phủ và các ban, bộ, ngành Trung ương về tình hình thực hiện các Nghị quyết Trung ương về giáo dục và đào tạo; chuẩn bị Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá giáo dục, đào tạo và một số chủ trương hỗ trợ dạy và học⁴.

- Tập hợp đầy đủ các văn bản cần rà soát; tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản quy định chi tiết trong việc rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền.

- Kết quả rà soát được cụ thể các nội dung đối chiếu, rà soát giữa Nghị định và các văn bản của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế liên quan. Các quy định pháp luật còn chồng chéo, mâu thuẫn hoặc có quy định cùng nội dung tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau cần đánh giá để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và thống nhất trong quy định của pháp luật (nếu có).

- Khi tiến hành rà soát bám sát nội dung, phạm vi vấn đề cần sửa đổi, bổ sung; có đánh giá cụ thể về mức độ phù hợp/không phù hợp của quy định hiện hành, cần kế thừa những quy định pháp luật đã thực hiện có hiệu quả; mang lại giá trị tích cực; đối với các nội dung vướng mắc, bất cập làm cản trở sửa đổi các quy phạm pháp luật, bảo đảm tính tổng thể, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

- Đảm bảo minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện.

² Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách cho học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Có giải pháp cụ thể, sớm thu hẹp khoảng cách về giáo dục giữa thành thị và nông thôn, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

³ Thống nhất chủ trương giao Chính phủ khẩn trương triển khai thực hiện hỗ trợ ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền từ năm học 2025-2026, trường hợp vượt thẩm quyền của Chính phủ thì báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét, quyết định.

⁴ Thống nhất chủ trương Nhà nước hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở xã biên giới, trong đó ưu tiên xã biên giới miền núi (đối tượng bao gồm cả học sinh là người dân tộc thiểu số và học sinh là người dân tộc Kinh sinh sống tại các xã biên giới)... Trước mắt thực hiện tại những xã biên giới đất liền, bắt đầu từ năm học 2025-2026 (tháng 9/2025).

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

- Rà soát đường lối, chủ trương của Đảng liên quan đến chính sách hỗ trợ cho học sinh ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, bãi ngang, ven biển.

- Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát là toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan, người có thẩm quyền ở Trung ương ban hành còn hiệu lực đến thời điểm rà soát (*bao gồm cả các văn bản đã được ban hành nhưng đến thời điểm rà soát chưa có hiệu lực*) có quy định liên quan đến nội dung của Dự thảo Nghị định, gồm: các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thông tư liên tịch đang còn hiệu lực; các điều ước quốc tế liên quan đến nội dung chính sách hỗ trợ cho học sinh ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, bãi ngang, ven biển mà Việt Nam đã ký kết/gia nhập.

- Nội dung rà soát được tiến hành đối với các vấn đề liên quan đến đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

Tổng số văn bản được rà soát liên quan đến dự thảo Nghị định gồm: 06 văn bản của Đảng; 07 văn bản quy phạm pháp luật; 02 Điều ước quốc tế.

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo

Đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến dự thảo về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (*Chi tiết tại Bảng số 1 Phụ lục kèm theo*).

Dự thảo Nghị định thể chế hóa kịp thời chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục. Các quy định theo hướng bỏ vai trò quản lý ở cấp huyện, giao quyền chủ động, tự chủ nhiều hơn cho cấp tỉnh, cấp xã và cơ sở giáo dục.

Qua rà soát cho thấy, về cơ bản, đường lối, chủ trương của Đảng đã được thể chế hóa, bao gồm quy định về chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo. Tuy nhiên, đối tượng học sinh tiểu học và trung học cơ sở (bao gồm cả học sinh là người dân tộc thiểu số và người dân tộc Kinh) học ở các xã biên giới chưa được hưởng chính sách hỗ trợ này.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến nội dung

của dự thảo Nghị định được xác định có 07 văn bản quy phạm pháp luật. Qua rà soát cho thấy, về cơ bản, các quy định của dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo

Tổng số điều ước quốc tế được rà soát liên quan đến dự thảo: Qua rà soát đã xác định được có 02 Điều ước quốc tế đa phương có liên quan đến dự thảo Nghị định bao gồm: (1) Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em quy định UNCRC (1989); (2) Công ước số 111 về chống phân biệt đối xử trong giáo dục (1960).

Qua rà soát cho thấy, các quy định tại dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã tham gia và là thành viên, không làm cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. Phụ lục

Báo cáo gồm 03 mục kèm theo phụ lục, bao gồm:

- (1) Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Nghị định.
- (2) Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định.
- (3) Điều ước quốc tế liên quan đến dự thảo Nghị định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để biết);
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Tấn Dũng

PHỤ LỤC

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (đã thể chế hóa đầy đủ hoặc một phần/phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)	ĐỀ XUẤT, XỬ LÝ
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Nghị định này quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam học tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền và cơ sở giáo dục có học sinh hưởng chính sách.	Thể chế hóa Thông báo số 177-TB/VPTW ngày 25/4/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với đại diện Đảng ủy Chính phủ và các ban, bộ, ngành Trung ương về tình hình thực hiện các Nghị quyết Trung ương về giáo dục và đào tạo⁵; Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 17/6/2025 về Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV, Quốc hội⁶; Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới⁷; Nghị quyết số 41/2021/QH15 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XV⁸; Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng chính sách xã hội,	Đã thể chế hóa đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng	

⁵ Thông nhất chủ trương Nhà nước hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở xã biên giới, trong đó ưu tiên xã biên giới miền núi (đối tượng bao gồm cả học sinh là người dân tộc thiểu số và học sinh là người dân tộc Kinh sinh sống tại các xã biên giới)... Trước mắt thực hiện tại những xã biên giới đất liền, bắt đầu từ năm học 2025-2026 (tháng 9/2025)

⁶ Thông nhất chủ trương giao Chính phủ khẩn trương triển khai thực hiện hỗ trợ ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền từ năm học 2025-2026, trường hợp vượt thẩm quyền của Chính phủ thì báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét, quyết định

⁷ Nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Hỗ trợ việc ăn, ở cho học sinh, sinh viên vùng địa bàn đặc biệt khó khăn

⁸ Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách cho học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Có giải pháp cụ thể, sớm thu hẹp khoảng cách về giáo dục giữa thành thị và nông thôn, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (đã thể chế hóa đầy đủ hoặc một phần/phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)	ĐỀ XUẤT, XỬ LÝ
Điều 3. Mức hỗ trợ cho học sinh 1. Chính sách đối với học sinh: a) Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh 450.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học; b) Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh được hỗ trợ 08 kg gạo/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học. 2. Học sinh lớp 1 là người dân tộc thiểu số có học tiếng Việt trước khi vào học chương	đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới⁹. Thể chế hóa Thông báo số 177-TB/VPTW ngày 25/4/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với đại diện Đảng ủy Chính phủ và các ban, bộ, ngành Trung ương về tình hình thực hiện các Nghị quyết Trung ương về giáo dục và đào tạo¹⁰; Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 17/6/2025 về Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV, Quốc hội¹¹; Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới¹²; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo¹³.	Đã thể chế hóa đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng	

⁹ Trong đó định hướng nhiều giải pháp để thực hiện hiệu quả các chính sách xã hội cho vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; giáo dục chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, bãi ngang, ven biển, đảo đảm cộng bằng trong tiếp cận giáo dục

¹⁰ Thông nhất chủ trương Nhà nước hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở xã biên giới, trong đó ưu tiên xã biên giới miền núi (đối tượng bao gồm cả học sinh là người dân tộc thiểu số và học sinh là người dân tộc Kinh sinh sống tại các xã biên giới)... Trước mắt thực hiện tại những xã biên giới đất liền, bắt đầu từ năm học 2025-2026 (tháng 9/2025)

¹¹ Thông nhất chủ trương giao Chính phủ khẩn trương triển khai thực hiện hỗ trợ ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền từ năm học 2025-2026, trường hợp vượt thẩm quyền của Chính phủ thì báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét, quyết định

¹² Nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Hỗ trợ việc ăn, ở cho học sinh, sinh viên vùng địa bàn đặc biệt khó khăn

¹³ Mở rộng các chính sách hỗ trợ tài chính, tín dụng ưu đãi cho người học, không để học sinh, sinh viên nào bỏ học vì điều kiện tài chính.

Ban hành quy định của pháp luật để nâng cao định hướng học đường và thể chất người Việt Nam.

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (đã thể chế hóa đầy đủ hoặc một phần/phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)	ĐỀ XUẤT, XỬ LÝ
trình lớp 1 thì được hướng thêm 01 tháng các chính sách quy định tại khoản 1 Điều này. Điều 4. Cách thức triển khai 2. Cơ sở giáo dục có tổ chức ăn tập trung tại trường được hướng các chính sách sau: b) Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hướng chính sách.	Thể chế hóa Thông báo số 177-TB/VPTW ngày 25/4/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với đại diện Đảng ủy Chính phủ và các ban, bộ, ngành Trung ương về tình hình thực hiện các Nghị quyết Trung ương về giáo dục và đào tạo¹⁴; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo¹⁵.	Đã thể chế hóa đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng	

¹⁴ Thống nhất chủ trương Nhà nước hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở xã biên giới, trong đó ưu tiên xã biên giới miền núi (đối tượng bao gồm cả học sinh là người dân tộc thiểu số và học sinh là người dân tộc Kinh sinh sống tại các xã biên giới)... Trước mắt thực hiện tại những xã biên giới đất liền, bắt đầu từ năm học 2025-2026 (tháng 9/2025)

¹⁵ Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kiên cố hoá, hiện đại hoá trường, lớp học; bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn, đặc biệt chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM, không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất. Hoàn thành xây dựng mạng lưới trường phổ thông nội trú tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và biên giới trước năm 2030; mở rộng hệ thống đào tạo dự bị đại học cho học sinh người dân tộc thiểu số, miền núi.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Nghị định này quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam học tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền và cơ sở giáo dục có học sinh hưởng chính sách.	Luật Trẻ em số 102/2016/QH13: Điều 15. Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14: Điều 29. Mục tiêu của giáo dục phổ thông 1. Giáo dục phổ thông nhằm phát triển toàn diện cho người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm công dân. 2. Giáo dục tiểu học nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học trung học cơ sở.	Nội dung quy định đã đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách	
Điều 3. Mức hỗ trợ cho học sinh 1. Chính sách đối với học sinh: a) Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh 450.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học; b) Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh được hỗ trợ 08 kg gạo/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học. 2. Học sinh lớp 1 là người dân tộc thiểu số có	Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách Điều 6. Mức hưởng chính sách đối với trẻ em nhà trẻ bán trú, học sinh bán trú, học viên bán trú, học sinh dân tộc nội trú và học sinh dự bị đại học	Nội dung quy định đã đảm bảo tính thống nhất của chính sách	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp 1 thì được hưởng thêm 01 tháng các chính sách quy định tại khoản 1 Điều này.	2. Chính sách đối với học sinh bán trú và học viên bán trú a) Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh, học viên được hỗ trợ mỗi tháng là 936.000 đồng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học; b) Hỗ trợ tiền nhà ở: Mỗi học sinh bán trú, học viên bán trú phải tự túc chỗ ở do nhà trường không thể bố trí chỗ ở trong trường hoặc học sinh lớp 1, lớp 2, học sinh khuyết tật có nhu cầu tự túc chỗ ở gần trường để người thân chăm sóc thì mỗi tháng được hỗ trợ 360.000 đồng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học; c) Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh, học viên được hỗ trợ mỗi tháng 15 kg gạo và được hưởng không quá 9 tháng/năm học; d) Học sinh bán trú lớp 1 là người dân tộc thiểu số có học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp 1 thì được hưởng thêm 01 tháng các chính sách quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều này.		
Điều 4. Cách thức triển khai 2. Cơ sở giáo dục có tổ chức ăn tập trung tại trường được hưởng các chính sách sau: a) Hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh tính bằng 50% mức hỗ trợ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ	Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách Điều 7. Mức hưởng chính sách đối với cơ sở giáo dục 2. Trường phổ thông dân tộc bán trú được hưởng các chính sách sau: a) Được đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị theo quy định	Nội dung quy định đã đảm bảo tính thống nhất của chính sách	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (<i>Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản</i>)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách; b) Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách; c) Hỗ trợ tiền điện, nước để tổ chức bữa ăn trưa tối đa 50% mức hỗ trợ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.	của Chính phủ về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; b) Được hỗ trợ kinh phí để mua sắm, bổ sung, sửa chữa dụng cụ thể dục, thể thao, nhạc cụ, máy thu hình và các vật dụng khác phục vụ sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao cho học sinh bán trú với mức hỗ trợ là 180.000 đồng/học sinh bán trú/năm học; c) Được hỗ trợ kinh phí để tổ chức khám sức khỏe hằng năm cho học sinh bán trú, lập tủ thuốc dùng chung cho học sinh, mua các loại thuốc thông thường với cơ sở thuốc đủ đáp ứng yêu cầu phòng bệnh và xử lý những trường hợp sơ cứu ban đầu với mức hỗ trợ là 180.000 đồng/học sinh bán trú/năm học; d) Được hỗ trợ tiền điện, nước phục vụ học tập và sinh hoạt của học sinh bán trú ăn ở tại trường với định mức là 15KW điện/tháng/học sinh bán trú và 3m3 nước/tháng/học sinh bán trú theo giá quy định tại địa phương và được hưởng không quá 9 tháng/năm học. Nơi chưa có điều kiện cung cấp các dịch vụ điện, nước hoặc bị mất điện, nước thì nhà trường được sử dụng kinh phí để mua thiết bị thấp sáng và nước sạch cho học sinh; đ) Được hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh bán trú ăn, ở tại trường như sau: cứ 45 học sinh bán trú thì được hưởng 01 định mức hỗ trợ là 4.738.500 đồng/tháng, số dư từ 20 học sinh bán trú trở lên được tính 01 định mức. Trường hợp có số lượng dưới 45 học sinh bán trú		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	thì được tính 01 định mức. Thời gian được hỗ trợ không quá 9 tháng/năm học; e) Được hỗ trợ kinh phí thực hiện quản lý học sinh bán trú ngoài giờ lên lớp như sau: cứ 45 học sinh bán trú thì được hưởng 01 định mức hỗ trợ là 2.050.000 đồng/tháng, số dư từ 20 học sinh bán trú trở lên được tính 01 định mức. Trường hợp có số lượng dưới 45 học sinh bán trú thì được tính 01 định mức. Thời gian được hỗ trợ không quá 9 tháng/năm học. 3. Cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú (không bao gồm trường phổ thông dân tộc bán trú) được hưởng các chính sách sau: a) Được hỗ trợ các chính sách quy định tại các điểm b, c, d khoản 2 Điều này; b) Được hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ học tập, ăn ở, sinh hoạt cho học sinh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này tùy theo số lượng học sinh bán trú và nguồn kinh phí hiện có; c) Được hỗ trợ tiền điện, nước và kinh phí thực hiện quản lý học sinh quy định tại các điểm d, e khoản 2 Điều này.		
Điều 5. Quy trình xét duyệt đối tượng được hưởng chính sách 1. Vào đầu năm học, các cơ sở giáo dục phổ biến, thông báo rộng rãi về chính sách học sinh hỗ trợ bữa ăn trưa quy định tại Nghị định này. 2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày cơ sở giáo	Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách	Đảm bảo phù hợp với văn bản quy định chính sách tương tự, có rà soát để cắt giảm bớt thủ tục và thời gian xét duyệt.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
đục thông báo, cơ sở giáo dục lập danh sách các đối tượng đủ điều kiện được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này, thông báo công khai danh sách học sinh được hưởng chính sách theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này tại trụ sở làm việc trong thời hạn 03 ngày làm việc. 3. Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn công khai danh sách học sinh được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này, cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân xã gửi hồ sơ về Phòng Văn hóa - Xã hội, cơ sở giáo dục trực thuộc cấp tỉnh gửi hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo. Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của cơ sở giáo dục, Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định phê duyệt danh sách học sinh hưởng chính sách theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân gửi thông báo kết quả phê duyệt cho Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Phòng Văn hóa - Xã hội để thông báo cho các cơ sở giáo dục. 4. Ngay sau khi nhận được quyết định của cấp	Điều 9. Quy trình xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú và trình tự, thủ tục cấp kinh phí, hỗ trợ gạo 1. Hồ sơ a) Học sinh, học viên thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định này nộp Đơn đề nghị hưởng chính sách học sinh bán trú (theo Mẫu số 04), Đơn đề nghị hưởng chính sách học viên bán trú (theo Mẫu số 05) quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này; b) Trường hợp học sinh, học viên thuộc hộ nghèo phải nộp bản chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận hoặc Giấy xác nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trong trường hợp cơ quan, tổ chức không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. 2. Tiếp nhận hồ sơ a) Vào đầu năm học, các trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú và cơ sở giáo dục thường xuyên có học viên bán trú tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi, hướng dẫn cho bố, mẹ (hoặc người giám hộ) và học sinh, học viên thuộc đối tượng được hưởng chính sách chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này; b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú và cơ sở giáo dục thường xuyên thông báo, mỗi đối tượng đề nghị được hưởng chính sách nộp 01 bộ hồ sơ theo	phù hợp với yêu cầu tăng cường phân cấp và trách nhiệm cho cơ sở giáo dục	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
có thẩm quyền phê duyệt danh sách học sinh hướng chính sách, các cơ sở giáo dục có trách nhiệm thông báo công khai và tổ chức triển khai thực hiện chính sách cho học sinh theo quy định.	quy định tại khoản 1 Điều này qua công dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc tiếp tiếp cho cơ sở giáo dục (nộp 01 bộ hồ sơ cho 01 lần đầu để nghị xét hướng chính sách cho cả cấp học). Trường hợp thuộc hộ nghèo phải nộp bổ sung giấy tờ chứng minh hộ nghèo theo từng năm trong trường hợp cơ quan, tổ chức không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Cơ sở giáo dục tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ nộp là bản chụp chưa có chứng thực của cấp có thẩm quyền, người nhận hồ sơ có trách nhiệm đối chiếu với bản chính, ký xác nhận vào bản chụp để đưa vào hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định thì yêu cầu bổ sung. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm yêu cầu, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ sở giáo dục gửi thông báo không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do. c) Sau ngày hết hạn nhận hồ sơ, trong thời hạn 07 ngày làm việc cơ sở giáo dục tổ chức xét duyệt các hồ sơ đủ điều kiện được hưởng chính sách học sinh bán trú, học viên bán trú theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định này. Ngay sau khi có kết quả xét duyệt, cơ sở giáo dục lập và thông báo công khai danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này tại trụ sở làm việc trong thời hạn 03 ngày làm việc.		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tình hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	3. Phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú, hỗ trợ gạo và cấp kinh phí thực hiện a) Hết thời hạn công khai danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú, chậm nhất 03 ngày làm việc, cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ về Phòng Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp, hồ sơ gồm: Danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú (theo Mẫu số 06) và văn bản đề nghị phê duyệt (theo Mẫu số 08) quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này; Dự toán để nghị cấp kinh phí hỗ trợ ăn, ở và hỗ trợ gạo cho học sinh bán trú, học viên bán trú (theo Mẫu số 07) quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị của các cơ sở giáo dục, Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định, tổng hợp hồ sơ gửi cơ quan tài chính cùng cấp. Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ quan tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân ban hành quyết định phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục kèm		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		theo Nghị định này. Trong vòng 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân gửi thông báo kết quả phê duyệt cho cơ sở giáo dục. Ngay sau khi nhận được quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú, các cơ sở giáo dục có trách nhiệm thông báo công khai và tổ chức triển khai thực hiện chính sách cho học sinh bán trú, học viên bán trú.	
	Thông tư số 60/2025/TT-BTC ngày 27/6/2025 của Bộ Tài chính quy định về quy trình, trình tự, thủ tục thực hiện phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực dự trữ quốc gia và nhập		
Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách 1. Kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này bao gồm: a) Ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; Ngân sách trung ương hỗ trợ Ngân sách địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 3, kinh phí phục vụ nấu ăn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 theo nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách trung ương cho Ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành được cấp có thẩm quyền quyết định áp	Lưu ý Trẻ em số 102/2016/QH13: Điều 7. Nguồn lực bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em Nguồn tài chính thực hiện quyền trẻ em bao gồm ngân sách nhà nước; ủng hộ của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong nước, nước ngoài; nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ; viện trợ quốc tế và các nguồn thu hợp pháp khác. Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng	Nội dung quy định đã đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
dùng cho từng thời kỳ. b) Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác (nếu có) để hỗ trợ thêm cho bữa ăn trưa được đầy đủ và đảm bảo dinh dưỡng theo quy định.	chính sách Điều 13. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách 1. Kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này bao gồm: a) Ngân sách nhà nước bao gồm: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương thực hiện các chính sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Kinh phí thực hiện chính sách tại Nghị định này được cân đối trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm theo phân cấp quản lý hiện hành. Ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương thực hiện chính sách quy định tại khoản 1, các điểm a, b, d khoản 2 Điều 6; điểm a khoản 1, các điểm b, c, d khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định này theo nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành được cấp có thẩm quyền quyết định áp dụng cho từng thời kỳ. b) Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác (nếu có). 2. Nguồn gao hỗ trợ từ nguồn dự trữ quốc gia để thực hiện chính sách quy định tại điểm c khoản 2, điểm d khoản 3 Điều 6 Nghị định này. Kinh phí vận chuyển gạo từ trung tâm các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (thành phố) đến cơ sở giáo dục (đơn vị trực tiếp sử		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	dụng gạo) được cần đổi trong dự toán chi thường xuyên hằng năm theo phân cấp quản lý hiện hành. Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15: Điều 8. Nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước 1. Ngân sách nhà nước được quản lý thống nhất, tập trung dân chủ, hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch, công bằng; có phân công, phân cấp quản lý; gắn quyền hạn với trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp. 5. Bảo đảm ưu tiên bố trí ngân sách cho chi đầu tư phát triển để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ về phát triển kinh tế; phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giảm nghèo bền vững; phát triển nông nghiệp, nông thôn, y tế; chính sách dân tộc; thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và những chính sách quan trọng khác. Điều 9. Nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách 2. Ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi quốc gia, hỗ trợ địa phương chưa cân đối được ngân sách và hỗ trợ địa phương theo quy định tại Điều 43 của Luật này. 3. Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và khả năng quản lý của mỗi cấp trên địa bàn. 5. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm.		
Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách 2. Nguồn gao hỗ trợ từ nguồn dự trữ quốc gia để thực hiện chính sách được cấp từ nguồn dự trữ quốc gia. Kinh phí vận chuyển gạo từ trung tâm các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương kho dự trữ quốc gia đến trung tâm đơn vị hành chính xã được bố trí từ chi dự trữ quốc gia. Kinh phí vận chuyển gạo từ trung tâm đơn vị hành chính cấp xã đến cơ sở giáo dục (đơn vị trực tiếp sử dụng gạo) được cân đối bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.	Thông tư số 60/2025/TT-BTC ngày 27/6/2025 của Bộ Tài chính quy định về quy trình, trình tự, thủ tục thực hiện phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực dự trữ quốc gia và nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ Điều 15. Ngân sách nhà nước chi cho nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia 4. Ngân sách nhà nước chi cho việc tiếp nhận, phân phối hàng dự trữ quốc gia từ điểm nhận hàng đến người sử dụng được bố trí từ ngân sách của địa phương hoặc ngân sách nhà nước của bộ, ngành quản lý lĩnh vực. Thủ trưởng bộ, ngành quản lý lĩnh vực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn cụ thể về lập dự toán, cấp phát kinh phí phục vụ công tác tiếp nhận, phân phối hàng dự trữ quốc gia và quyết toán theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.	Nội dung quy định đã đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách	
Điều 9. Tổ chức thực hiện 4. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tình hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
cấp tỉnh) a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh Bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này. Mức hỗ trợ tại Nghị định này là mức tối thiểu. Hội đồng nhân dân tỉnh cần chú khả năng cân đối ngân sách của địa phương có thể quyết định bổ sung chính sách hỗ trợ thêm cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn nếu phù hợp. b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này, trong đó có hướng dẫn việc sử dụng kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng thụ hưởng để thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ. Kiểm tra việc thực hiện chính sách, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi bất xén tiêu chuẩn ăn của học sinh và các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định. Thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của Chính phủ. Xây dựng dự toán ngân sách hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để quyết định các giải pháp bảo đảm cân đối nguồn lực tài chính cho	lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo Điều 2. Nguyên tắc phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục 2. Bảo đảm phân định nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân định; không trùng lặp, chồng chéo, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa chính quyền địa phương các cấp và giữa các cơ quan, tổ chức thuộc chính quyền địa phương. 3. Bảo đảm phân định rõ thẩm quyền giữa Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; phân định rõ thẩm quyền chung của Ủy ban nhân dân và thẩm quyền riêng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Điều 36. Giải quyết về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách 2. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú và trình tự, thủ tục cấp kinh phí, hỗ trợ gạo đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại Điều 9 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện. 3. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cấp kinh phí và hỗ trợ gạo cho học sinh dân tộc nội trú của các cơ sở		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
thực hiện chính sách tại địa phương; tổ chức kiểm tra, thanh tra đối với quá trình chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền và phân bổ bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này. 5. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã a) Hội đồng nhân dân xã Bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này. b) Ủy ban nhân dân xã Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này thuộc phạm vi quản lý. Kiểm tra việc thực hiện chính sách, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi bất xén tiêu chuẩn ăn của học sinh và các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định. Thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của Chính phủ, Xây dựng dự toán ngân sách hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân xã để quyết định các giải	giáo dục phổ thông trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại Điều 10 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện. 4. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí hỗ trợ cho trẻ em nhà trẻ, học sinh và hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (không bao gồm hỗ trợ gạo) quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 12 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
pháp bảo đảm cân đối nguồn lực tài chính cho thực hiện chính sách thuộc phạm vi quản lý; tổ chức kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với quá trình chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền và phân bổ bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này.			
Điều 10. Hiệu lực thi hành 2. Xã biên giới trong Nghị định này áp dụng trên địa bàn theo quy định của Chính phủ.	Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Điều 3. Giải thích từ ngữ 1. Khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây viết gọn là khu vực biên giới đất liền) bao gồm xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã) có một phần địa giới hành chính trùng hợp với đường biên giới quốc gia trên đất liền. Danh sách xã, phường, thị trấn khu vực biên giới đất liền có Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.	Dự thảo Nghị định đã quy định đề đảm bảo phù hợp với sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Ngày 14/4/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, sắp xếp các tỉnh, thành phố trực thuộc	Sửa đổi Nghị định số 34/2014/NĐ-CP để phù hợp với thực tiễn

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		trung ương và sắp xếp xã, phường, thị trấn trong năm 2025 theo các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Như vậy sau khi sắp xếp, danh sách các xã khu vực biên giới đất liền đã thay đổi.	

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (chính sách/dự thảo văn bản tương thích với điều ước quốc tế)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Dự thảo Nghị định quy định về chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam học tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền	Công ước của Liên Hợp quốc về quyền trẻ em Điều 3. 1. Trong mọi hoạt động liên quan tới trẻ em, dù được thực hiện bởi các cơ quan phúc lợi xã hội của nhà nước hay tư nhân, bởi tòa án, các nhà chức trách hành chính hay cơ quan pháp luật, thì lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu. 2. Các Quốc gia thành viên cam kết bảo đảm dành cho trẻ em sự bảo vệ và chăm sóc cần thiết cho hạnh phúc của các em, có tính đến những quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, người giám hộ hợp pháp hay những cá nhân khác có trách nhiệm pháp lý đối với trẻ em và nhằm mục đích đó, sẽ tiến hành mọi biện pháp lập pháp và hành pháp thích hợp. 3. Các Quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng những tổ chức, cơ quan và cơ sở chịu trách nhiệm chăm sóc hoặc bảo vệ trẻ em phải tuân thủ những tiêu chuẩn do các nhà chức trách có thẩm quyền quy định, đặc biệt trong các lĩnh vực an toàn, sức khỏe, về số lượng và tính phù hợp của đội ngũ nhân viên các cơ quan đó, cũng như về sự giám sát trình độ chuyên môn. Điều 28. 1. Các Quốc gia thành viên thừa nhận quyền của trẻ em được học hành, và để từng bước thực hiện quyền này trên cơ sở bình đẳng về cơ hội, phải: b. Khuyến khích phát triển nhiều hình thức giáo dục trung học khác nhau, kể cả giáo dục phổ thông và dạy nghề, làm cho những hình thức giáo dục này sẵn có và mọi trẻ em đều có thể tiếp cận, và thi	Nội dung quy định của dự thảo Nghị định đã đảm bảo phù hợp với văn bản là điều ước quốc tế Việt Nam tham gia	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (chính sách/dự thảo văn bản tương thích với điều ước quốc tế)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	hành các biện pháp thích hợp như đưa ra loại hình giáo dục miễn phí và cung cấp hỗ trợ tài chính trong trường hợp cần thiết; e. Có biện pháp khuyến khích việc đi học đều đặn ở trường và giảm tỷ lệ bỏ học. 2. Các Quốc gia thành viên phải thi hành các biện pháp thích hợp để bảo đảm rằng kỹ luật nhà trường được thực hiện phù hợp với nhân phẩm của trẻ em và theo đúng Công ước này. 3. Các Quốc gia thành viên phải thúc đẩy và khuyến khích sự hợp tác quốc tế trong những vấn đề liên quan đến giáo dục, đặc biệt nhằm đóng góp vào việc xóa bỏ nạn đói khát và mù chữ trên toàn thế giới và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận các kiến thức khoa học, kỹ thuật và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Về mặt này, nhu cầu của các quốc gia đang phát triển phải được đặc biệt chú ý. Công ước về chống phân biệt đối xử trong giáo dục, 1960: Điều 4 Bằng những biện pháp thích hợp với hoàn cảnh và phong tục ở các nước, các quốc gia thành viên Công ước này cam kết tăng cường hơn nữa việc xây dựng, phát triển và áp dụng chính sách quốc gia nhằm thúc đẩy sự đối xử bình đẳng và cơ hội ngang nhau trong giáo dục		

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH HỖ TRỢ BỮA ĂN TRƯA CHO HỌC SINH TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ HỌC Ở CÁC XÃ BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ GDĐT đã tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội; Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đăng tải công khai trên Cổng TTĐT Chính phủ và Cổng TTĐT Bộ GDĐT).
Tổng số ý kiến nhận được: 58 ý kiến

2. Kết quả cụ thể như sau:

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
A	Ý kiến chung	Sở GDĐT tỉnh Thái Nguyên	Nhất trí với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định	
		Bộ Quốc phòng	Nhất trí với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định	
		Ngân hàng Nhà nước	Nhất trí với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định	
		Đài Tiếng nói Việt Nam	Nhất trí với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định	
		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhất trí với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định	
		Sở GDĐT tỉnh Đắk Lắk	Nhất trí với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định	

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		Sở GDĐT tỉnh Vĩnh Long	Nhất trí với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định	
		Sở GDĐT tỉnh Ninh Bình	Nhất trí với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định	
		Sở GDĐT tỉnh Lai Châu	Nhất trí với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định	
		Sở GDĐT tỉnh Khánh Hòa	Nhất trí với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định	
		Sở GDĐT tỉnh Lào Cai	Nhất trí với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định	
		Sở GDĐT tỉnh Phú Thọ	Nhất trí với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định	
		Xã Na Meo, Thanh Hóa	Nhất trí với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định	
		Nguyễn Quan Trung (Bộ QP)	Nhất trí với dự thảo	
		Sở GDĐT tỉnh Hưng Yên	Nhất trí với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định	
B	Góp ý Nội dung dự thảo Nghị định			
I	CĂN CỨ PHÁP LÝ			
II	CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG			

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Sở GDĐT Cao Bằng	Mở rộng đối tượng thụ hưởng đối với cả học sinh cấp THPT.	Không tiếp thu. Đối tượng không phù hợp với Nghị quyết số 227/2025/QH15 (Nghị quyết 227) và Thông báo số 177-TB/VPTW (Thông báo 177)
1.1	1. Nghị định này quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam học tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền.	Bộ Tài chính	Về đối tượng hưởng chính sách (Điều 1): Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát đối tượng được hưởng chính sách theo đúng chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại Thông báo số 177-TB/VPTW.	Đã rà soát theo đúng chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư
4.1		Bộ Tư pháp	Dự thảo Nghị định quy định: “Cơ sở giáo dục có tổ chức ăn tập trung tại trường được hưởng mức chính sách theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP...” (khoản 2 Điều 4), trong khi đó, khoản 3 Điều 7 Nghị định này quy định: “Cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú (không bao gồm trường phổ thông dân tộc bán trú) được hưởng các chính sách sau: a) Được hỗ trợ các chính sách quy định tại các điểm b, c, d khoản 2 Điều này; b) Được hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ học tập, ăn ở, sinh hoạt cho học sinh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này tùy theo số lượng học sinh bán trú và nguồn kinh phí hiện có; c) Được hỗ trợ tiền điện, nước và kinh phí thực hiện quản lý học sinh quy định tại các điểm d, e khoản 2 Điều này”. Quy định nêu trên tại dự thảo Nghị định là chưa thống nhất với phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 dự thảo Nghị định (quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh).	Đã bổ sung đối tượng áp dụng bao gồm "cơ sở giáo dục có học sinh hưởng chính sách", Đã bổ sung thuyết minh tại dự thảo Tờ trình Chính phủ
		Sở GDĐT tỉnh Lạng Sơn	Bổ sung quy định thêm đối tượng được hưởng chính sách là các cơ sở giáo dục có tổ chức bữa ăn trưa cho học sinh được hưởng chính sách tại Nghị định này.	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo
		Sở GDĐT Tuyên Quang	Đề nghị tách quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng thành 2 khoản, đồng thời bổ sung các đối tượng áp dụng	Bảo lưu theo dự thảo. Đề xuất của Sở chưa cụ thể về đối tượng áp dụng

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		Sở GDDT Nghệ An	Để đảm bảo trong việc xét duyệt đối tượng không gây ra nhiều cách hiểu khác nhau về đối tượng được hưởng chính sách đề nghị tổ soạn thảo sửa lại Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định như sau: “Nghị định này quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam thường trú tại các xã biên giới đất liền, đang học tại các trường đóng tại xã biên giới đất liền”	Không tiếp thu. Lý do: đối tượng của chính sách là học sinh tiểu học và trung học cơ sở <i>học ở</i> các xã biên giới đất liền. Việc quy định phạm vi như dự thảo Nghị định để bảo đảm tất cả học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các cơ sở giáo dục các xã biên giới đất liền (không bao gồm các học sinh đã được hưởng chế độ tiền ăn tại Nghị định số 66), không phân biệt nơi cư trú, dân tộc đều được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này; tạo sự bình đẳng giữa các học sinh trong cùng một cơ sở giáo dục.
		Sở GDDT Điện Biên	Điều 1 Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu xây dựng thành 02 khoản riêng về Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng để quy định được rõ ràng, đầy đủ vì hiện nay Điều 1 dự thảo Nghị định chưa đề cập đến đối tượng áp dụng là các cơ sở giáo dục, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền	Tiếp thu ý kiến bổ sung đối tượng áp dụng gồm có cơ sở giáo dục có học sinh hưởng chính sách
		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Xem xét làm rõ đối tượng thụ hưởng - Học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở thường trú ở các xã biên giới đất liền học ở các trường thuộc xã biên giới đất liền. - Học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở học ở các trường thuộc xã biên giới đất liền. Lý do: Nếu không làm rõ đối tượng thụ hưởng khi thực hiện sẽ gặp vướng mắc, vì thực tế có trường hợp các cháu ở xã lân cận không phải xã biên giới nhưng từ nhà đến trường ở biên giới gần hơn do đó các cháu chọn học ở các trường biên giới; hoặc có trường hợp lợi dụng chính sách để đưa con ở vùng thuận lợi đến đây học để được thụ hưởng chính sách, nguy cơ i lại, trông chờ vào chính sách, dẫn đến tình trạng không bình đẳng trong giáo dục.	Đối tượng học sinh "học ở các xã..." đã bao gồm các đối tượng học sinh thường trú
1.2	2. Nghị định này không áp dụng đối với học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.	Sở GDDT Cao Bằng	Đề nghị bỏ khoản 2 Điều 1 của dự thảo Nghị định, do khoản 1 Điều 2 đã quy định nguyên tắc hưởng chính sách, trong đó bao gồm cả nội dung tại khoản 2 Điều 1.	Dự thảo quy định để loại trừ đối tượng đã được hưởng chính sách tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP (Nghị định 66)
2	Điều 2. Nguyên tắc hưởng chính sách			

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
2.1	1. Học sinh tiểu học và trung học cơ sở thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị định này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng của chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.	Sở GDĐT Quảng Ninh	Đề nghị bổ sung tại khoản 1 Điều 2: Học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị định này (gọi chung là học sinh). Lý do đề nghị: Để các khoản sau không viết lại nhiều lần cụm từ Học sinh tiểu học, trung học cơ sở	Đã tiếp thu tại dự thảo
		Sở GDĐT Điện Biên	Tại khoản 1 Điều 2 đề nghị chỉnh sửa như sau: “Học sinh tiểu học và trung học cơ sở được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này, đồng thời cũng được hưởng ở một chính sách cùng loại thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ cao nhất”.	Bảo lưu theo dự thảo (thống nhất với quy định tại Nghị định 66)
		Đinh Ngọc Sơn (Sở GDĐT Quảng)	Đề nghị bổ sung tại khoản 1 Điều 2: Học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị định này (gọi chung là học sinh) (Để các khoản sau không viết lại nhiều lần cụm từ Học sinh tiểu học, trung học cơ sở)	Đã tiếp thu tại dự thảo
2.2	2. Học sinh tiểu học và trung học cơ sở là đối tượng được hưởng chính sách khác về trợ cấp ưu đãi, trợ cấp xã hội, học bổng khuyến khích học tập thì vẫn được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này.			
2.3	3. Học sinh tiểu học và trung học cơ sở nếu bị lưu ban thì năm học lưu ban đầu tiên vẫn được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này. Trường hợp học sinh tiểu học và trung học cơ sở phải tạm dừng học do ốm đau, tai nạn, kỷ luật hoặc vì lý do bất khả kháng thì không được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này trong thời gian tạm dừng học.	Sở GDĐT tỉnh Cao Bằng	Để thống nhất với quy định tại khoản 5 Điều 2 của dự thảo Nghị định, đề nghị điều chỉnh nội dung tương ứng tại khoản 3 Điều 2 như sau: Trường hợp học sinh phải tạm dừng học liên tục do ốm đau, tai nạn, kỷ luật hoặc vì lý do bất khả kháng thì xác định thời gian hưởng chính sách như sau: Nếu thời gian nghỉ liên tục dưới 15 ngày thì được hưởng chính sách tròn tháng; Nếu thời gian nghỉ liên tục thuộc 2 tháng thì xét hưởng chính sách theo 2 điểm nêu trên	Kế thừa quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định 66 để đảm bảo thống nhất trong thực hiện chính sách
		Sở GDĐT tỉnh Hà Tĩnh	Khoản 3, Điều 2, đề nghị sửa từ “lý do bất khả kháng” thành “lý do khác”. Lý do: Ngoài các lý do bất khả kháng có thể có các nguyên nhân chủ quan từ cá nhân các học sinh...	Kế thừa quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định 66 để đảm bảo thống nhất trong thực hiện chính sách.
2.4	4. Học sinh tiểu học và trung học cơ sở trong năm học nếu chuyển trường đến học ở địa bàn không thuộc các xã biên giới đất liền thì không được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này.			

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
2.5	5. Học sinh tiểu học và trung học cơ sở nhập học tại các cơ sở giáo dục thuộc các xã biên giới đất liền trước ngày 15 thì được hưởng chính sách hỗ trợ tròn tháng, từ ngày thứ 16 thì được hưởng chính sách hỗ trợ nửa tháng.	Sở GDĐT tỉnh Cao Bằng	Đề nghị điều chỉnh khoản 5 Điều 2 như sau: Học sinh phổ thông nhập học tại các cơ sở giáo dục thuộc các xã biên giới đất liền trước ngày 15 thì được hưởng chính sách hỗ trợ tròn tháng, từ ngày thứ 15 thì được hưởng chính sách hỗ trợ nửa tháng.	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại Dự thảo "5. Học sinh thực học tại các cơ sở giáo dục thuộc các xã biên giới đất liền đủ 15 ngày trở lên thì được hưởng chính sách hỗ trợ tròn tháng, ít hơn 15 ngày thì được hưởng chính sách hỗ trợ nửa tháng"
		Bùi Thu Hà (Sở GDĐT Quảng Ninh)	Đề nghị điều chỉnh nội dung khoản 5, Điều 2 thành: Học sinh tiểu học và trung học cơ sở đi học tại các cơ sở giáo dục thuộc các xã biên giới đất liền đủ 15 ngày trở lên thì được hưởng chính sách hỗ trợ tròn tháng, ít hơn 15 ngày thì được hưởng chính sách hỗ trợ nửa tháng. Lý do đề nghị: Nếu chỉ quy định về việc nhập học thì có những học sinh đi học không đủ tháng vẫn được hưởng.	
		Sở GDĐT tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị điều chỉnh khoản 5 Điều 2 như sau: Học sinh tiểu học và trung học cơ sở nhập học tại các cơ sở giáo dục thuộc các xã biên giới đất liền trước ngày 16 thì được hưởng chính sách hỗ trợ tròn tháng, từ ngày thứ 16 thì được hưởng chính sách hỗ trợ nửa tháng	
		Sở GDĐT Quảng Ninh	Đề nghị điều chỉnh nội dung khoản 5, Điều 2 thành: Học sinh đi học tại các cơ sở giáo dục thuộc các xã biên giới đất liền đủ ½ tổng số ngày học trên tháng trở lên thì được hưởng chính sách hỗ trợ tròn tháng, ít hơn ½ tổng số ngày học thì được hưởng chính sách hỗ trợ nửa tháng. Lý do đề nghị: Nếu chỉ quy định về việc nhập học thì có những học sinh đi học không đủ số ngày học trong tháng vẫn được hưởng	
2.6	6. Mức hỗ trợ tiền ăn theo quy định tại Nghị định này sẽ được xem xét điều chỉnh khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng từ 10% trở lên.	Bộ Tài chính	Về nguyên tắc hưởng chính sách Đề nghị sửa lại như sau: “Mức hỗ trợ tiền ăn theo quy định tại Nghị định này sẽ được xem xét điều chỉnh khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng từ 10% trở lên phù hợp với khả năng cân đối của NSNN, tốc độ tăng giá tiêu dùng và mức đời sống của người dân.”	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại Dự thảo
II	CHƯƠNG II MỨC HỖ TRỢ VÀ CÁCH THỨC, QUY TRÌNH TRIỂN KHAI	Mai Huy Phương (PGD, SGDDT Quảng trị)	Đề nghị sửa tiêu đề Chương II thành: “Mức hỗ trợ và cách thức, quy trình xét duyệt đối tượng được hưởng chính sách ”	Tiếp thu một phần. Không tiếp thu nội dung sửa thành "uy trình xét duyệt đối tượng được hưởng chính sách" do tại chương này quy định cả về cách thức tổ chức bữa ăn trưa cho học sinh
3	Điều 3. Mức hỗ trợ			
3.1	1. Chính sách đối với học sinh tiểu học:			Gộp khoản 1 và khoản 2 thành 1 khoản và quy định chung chính sách cho đối tượng học sinh

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
	a) Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh được hỗ trợ 400.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học.	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Về mức hỗ trợ tiền ăn cho học sinh tiểu học: Đề nghị xem xét nâng mức hỗ trợ lên 450.000 đồng/tháng. Với lý do: Học sinh ở xã biên giới phần lớn là học sinh dân tộc thiểu số, thuộc gia đình khó khăn, các em còn thiếu thốn cả về cơ sở vật chất, dịch vụ y tế, giáo dục và đặc biệt là chế độ dinh dưỡng hàng ngày. Địa bàn các xã biên giới xa trung tâm, giá cả cao và nguồn cung ứng thực phẩm, thiết yếu phẩm hỗ trợ nấu ăn khan hiếm, đặc biệt vào mùa mưa lũ... Với những lý do đó, Bộ Dân tộc và Tôn giáo đề nghị nâng mức hỗ trợ tiền ăn cho học sinh tiểu học là 450.000 đồng/tháng, với chính sách đó sẽ góp phần giúp các em nhỏ nơi vùng cao biên giới còn gặp nhiều khó khăn nâng cao thể trạng, duy trì và tăng cường sức khỏe, sức đề kháng, có tinh thần sức khỏe tốt để yên tâm bám lớp, bám trường, cố gắng học tập, rèn luyện để trở thành con ngoan, trò giỏi.	Đã tiếp thu thống nhất mức hỗ trợ bằng tiền cho học sinh THCS và tiểu học là 450.000 đồng
		Sở GDĐT Nghệ An	Đề nghị thống nhất một mức hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở, cụ thể: Tại Điểm a Khoản 1 Điều 3 và Điểm a Khoản 2 Điều 3 Dự thảo Nghị định: mức hỗ trợ tiền ăn là 450.000đ/tháng. Lý do: Để thống nhất một mức chính sách và phù hợp với mức hỗ trợ theo Khoản 2 Điều 6 tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, vùng ven biển và hải đảo (mức hỗ trợ tiền ăn bán trú HS tiểu học, HS THCS: 936.000đ/tháng).	Đã tiếp thu thống nhất mức hỗ trợ bằng tiền cho học sinh THCS và tiểu học là 450.000 đồng
		Sở GDĐT Quảng Ninh	Đề nghị xem xét lại cơ sở để đề xuất mức hỗ trợ tiền cho học sinh tiểu học (400.000 đồng/tháng) thấp hơn cho học sinh trung học cơ sở (450.000 đồng/tháng); đồng thời, mức khác nhau sẽ làm khó khăn khi triển khai bữa ăn trưa tại trường đối với trường tiểu học và trung học cơ sở (theo Thông báo 81-TB/TW, các trường phổ thông nội trú xã biên giới đất liền được xây dựng theo mô hình liên cấp)	Đã tiếp thu thống nhất mức hỗ trợ bằng tiền cho học sinh THCS và tiểu học là 450.000 đồng
		UBND tỉnh An Giang	Tại Điều 3 dự thảo Nghị định: Cần xem xét, điều chỉnh tăng mức hỗ trợ tiền ăn trưa cho học sinh tiểu học từ 400.000 đồng/tháng lên 450.000 đồng/tháng (bằng với mức hỗ trợ cho học sinh trung học cơ sở). Lý do: Việc tổ chức nấu ăn tại các trường được thực hiện cho toàn thể học sinh; do vậy sẽ rất khó trong việc phân chia khẩu phần ăn cho học sinh tiểu học với mức 400.000 đồng/tháng và học sinh trung học cơ sở với mức 450.000 đồng/tháng	Đã tiếp thu thống nhất mức hỗ trợ bằng tiền cho học sinh THCS và tiểu học là 450.000 đồng
		Sở GDĐT Tuyên Quang	Đề nghị sửa thành: Điều 3. Mức hỗ trợ: 1. Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh 450.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 10 tháng/năm học. 2. Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh được hỗ trợ 08 kg gạo/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 10 tháng/năm học. 3. Học sinh lớp 1 là người dân tộc thiểu số có học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp 1 thì được hưởng thêm 01 tháng các chính sách quy định tại các khoản 1, 2 Điều này.	Đã tiếp thu thống nhất mức hỗ trợ bằng tiền cho học sinh THCS và tiểu học là 450.000 đồng. Đã bổ sung khoản 3 theo đề nghị của Sở Đối với việc đề nghị chính sách áp dụng không quá 10 tháng/năm học: không tiếp thu. Lý do: Thời gian thực học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT (35 tuần)

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
	b) Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh được hỗ trợ 08 kg gạo/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học.	Sở GDĐT Cao Bằng	Mở rộng nội dung hỗ trợ kinh phí và hỗ trợ gạo cho cả 03 bữa ăn/ngày và hỗ trợ tiền ở, tương ứng với nội dung hỗ trợ tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP; trong đó: Hỗ trợ tiền ăn và hỗ trợ gạo cho tất cả học sinh tiểu học, THCS, THPT thường trú tại các xã biên giới; Thời gian hỗ trợ: không quá 09 tháng/năm học; riêng học sinh cuối cấp THCS và THPT hỗ trợ không quá 10 tháng/năm học (để hỗ trợ học sinh cuối cấp THCS trong thời gian ôn thi vào trường THPT và hỗ trợ học sinh cuối cấp THPT trong thời gian ôn thi tốt nghiệp và thi tuyển sinh đại học).	Không tiếp thu. Đối tượng đề xuất không phù hợp với Thông báo số 177 và Nghị quyết số 227
3.2	2. Chính sách đối với học sinh trung học cơ sở:	Sở GDĐT Cao Bằng	Thời gian hỗ trợ: không quá 09 tháng/năm học; riêng học sinh cuối cấp THCS và THPT hỗ trợ không quá 10 tháng/năm học (để hỗ trợ học sinh cuối cấp THCS trong thời gian ôn thi vào trường THPT và hỗ trợ học sinh cuối cấp THPT trong thời gian ôn thi tốt nghiệp và thi tuyển sinh đại học).	Không tiếp thu. Nghị định không hỗ trợ cho đối tượng học sinh THPT. Thời gian thực học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT (35 tuần)
	a) Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh 450.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học.	Bộ Tài chính	Về mức hỗ trợ (Điều 3): Đề nghị làm rõ căn cứ đề xuất mức hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ gạo đảm bảo tương quan với các chính sách khác đã được ban hành.	Đã tiếp thu thống nhất mức hỗ trợ bằng tiền cho học sinh THCS và tiểu học là 450.000 đồng
	b) Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh được hỗ trợ 08 kg gạo/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học.	Sở GDĐT TP Huế	Đề nghị chỉnh sửa thành "Mỗi học sinh được hỗ trợ 500.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học".	Không tiếp thu để đảm bảo thống nhất với Nghị định 66
		Sở GDĐT Điện Biên	Tại Điều 3 (Mức hỗ trợ), đề nghị chỉnh sửa như sau: “1. Hỗ trợ tiền ăn: Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học. a) Đối với học sinh tiểu học: Mỗi học sinh được hỗ trợ 400.000 đồng/tháng. b) Đối với học sinh trung học cơ sở: Mỗi học sinh 450.000 đồng/tháng. 2. Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh được hỗ trợ 08 kg gạo/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học.”	Đã tiếp thu quy định thời gian hưởng chính sách là thời gian học sinh thực học tại trường
		Sở GDĐT Quảng Ninh	Đề nghị nghiên cứu để không tách Hỗ trợ tiền ăn và Hỗ trợ gạo thành 02 chính sách khác nhau, do: (1) Về bản chất và hình thức, trong Tiền ăn đã có tiền mua gạo để ăn; (2) Học sinh nào được Hỗ trợ tiền ăn thì đồng thời cũng được Hỗ trợ gạo; (3) Thời gian hưởng Hỗ trợ tiền ăn và Hỗ trợ gạo là như nhau	Không tiếp thu. Lý do: Chính sách gồm 02 khoản hỗ trợ (bằng tiền và gạo), thống nhất với quy định tại Nghị định 66
		Đinh Ngọc Sơn (Sở GDĐT Quảng Ninh)	Đề nghị nghiên cứu để không tách Hỗ trợ tiền ăn và Hỗ trợ gạo thành 02 chính sách khác nhau, do: + Về bản chất và hình thức, trong Tiền ăn đã có tiền mua gạo để ăn; + Học sinh nào được Hỗ trợ tiền ăn thì đồng thời cũng được Hỗ trợ gạo; + Thời gian hưởng Hỗ trợ tiền ăn và Hỗ trợ gạo là như nhau.	Không tiếp thu. Lý do: Chính sách gồm 02 khoản hỗ trợ (bằng tiền và gạo), thống nhất với quy định tại Nghị định 66

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		Sở GDĐT tỉnh Quảng Ngãi	Tại khoản 1 Điều 3 dự thảo ghi: “Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh được hỗ trợ 400.000 đồng/tháng đối với học sinh tiểu học”. Đề xuất điều chỉnh: Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh được hỗ trợ 400.000 đồng/tháng đối với học sinh tiểu học (tương đương với 59% trong mức hỗ trợ từ 936.000 đồng/tháng được quy định tại Nghị định 66/2025/NĐ-CP).	Bảo lưu theo dự thảo
		Sở GDĐT tỉnh Gia Lai	Đề nghị nâng mức hỗ trợ lên cụ thể như sau: Mỗi học sinh được hỗ trợ 720.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học.	Đã tiếp thu thống nhất mức hỗ trợ bằng tiền cho học sinh THCS và tiểu học là 450.000 đồng
		Đỗ Quyết Tiến (Bộ DT và TG)	Về mức hỗ trợ tiền ăn cho học sinh tiểu học: Đề nghị xem xét nâng mức hỗ trợ lên 450.000 đồng/ tháng. Với lý do: Học sinh ở xã biên giới phần lớn là học sinh dân tộc thiểu số, thuộc gia đình khó khăn, các em còn thiếu thốn cả về cơ sở vật chất, dịch vụ y tế, giáo dục và đặc biệt là chế độ dinh dưỡng hàng ngày. Địa bàn các xã biên giới xa trung tâm, giá cả cao và nguồn cung ứng thực phẩm, thiết yếu phẩm hỗ trợ nấu ăn khan hiếm, đặc biệt vào mùa mưa lũ... Với những lý do đó, tôi đề nghị nâng mức hỗ trợ tiền ăn cho học sinh tiểu học là 450.000 đồng/tháng, với chính sách đó sẽ góp phần giúp các em nhỏ nơi vùng cao biên giới còn gặp nhiều khó khăn nâng cao thể trạng, duy trì và tăng cường sức khỏe, sức đề kháng, có tinh thần sức khỏe tốt để yên tâm bám lớp, bám trường, cố gắng học tập, rèn luyện để trở thành con ngoan, trò giỏi.	Đã tiếp thu thống nhất mức hỗ trợ bằng tiền cho học sinh THCS và tiểu học là 450.000 đồng
		Nguyễn Lăng (Sở GD Tuyên Quang)	Điều 3. Mức hỗ trợ: Đề nghị nâng mức hỗ trợ tiền ăn trưa đối với học sinh tiểu học từ 400.000 đồng lên 450.000 đồng, cùng mức hỗ trợ như học sinh trung học cơ sở. Lý do đề nghị: Đối với các trường liên cấp tiểu học và trung học cơ sở có 2 đối tượng cùng học/trường: Học sinh tiểu học, học sinh THCS, được nhà trường tổ chức nấu ăn bữa trưa (đối với những trường đảm bảo csvc), nếu không cùng mức hỗ trợ sẽ rất khó khăn trong tổ chức thực hiện.	Đã tiếp thu thống nhất mức hỗ trợ bằng tiền cho học sinh THCS và tiểu học là 450.000 đồng
		Bùi Thu Hà (Sở GDĐT Quảng Ninh)	(1) Đề nghị điều chỉnh mức hỗ trợ tiền ăn của học sinh tiểu học và trung học cơ sở bằng nhau và bằng 450.000đồng/tháng để tránh thực hiện các mức hỗ trợ khác nhau trong 01 cơ sở giáo dục.	Đã tiếp thu thống nhất mức hỗ trợ bằng tiền cho học sinh THCS và tiểu học là 450.000 đồng
		Đinh Ngọc Sơn (Sở GDĐT Quảng Ninh)	Đề nghị xem xét lại cơ sở để đề xuất mức hỗ trợ tiền cho học sinh tiểu học (400.000 đồng/tháng) thấp hơn cho học sinh trung học cơ sở (450.000 đồng/tháng); đồng thời, mức khác nhau sẽ làm khó khăn khi triển khai bữa ăn trưa tại trường đối với trường tiểu học và trung học cơ sở (theo Thông báo 81-TB/TW, các trường phổ thông nội trú xã biên giới đất liền được xây dựng theo mô hình liên cấp)	Đã tiếp thu thống nhất mức hỗ trợ bằng tiền cho học sinh THCS và tiểu học là 450.000 đồng
		Sở GDĐT tỉnh Gia Lai	Đề nghị nâng mức hỗ trợ lên cụ thể như sau: Mỗi học sinh được hỗ trợ 720.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học; Mỗi học sinh được hỗ trợ 15 kg gạo/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học.	Đã tiếp thu thống nhất mức hỗ trợ bằng tiền cho học sinh THCS và tiểu học là 450.000 đồng

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Về mức hỗ trợ gạo cho học sinh tiểu học: Xem xét tính toán lại mức hỗ trợ 08 kg gạo/tháng cần dựa trên cơ sở khoa học để đưa ra mức hỗ trợ phù hợp với thực tế và trách lãng phí. Vì thực tế các cháu học tối đa 22 ngày/tháng, mỗi ngày chỉ ăn 1 bữa trưa, nếu theo mức hỗ trợ thì trung bình mỗi ngày 363g gạo (theo thông tin cập nhật nhu cầu hằng ngày của chất bột đường từ 9-12 gam/ 1 kg thể trọng, và một người lớn năng trung bình 50-60 kg cần khoảng 300 g mỗi ngày)	Mức hỗ trợ gạo đã được tính toán để thống nhất với quy định tại Nghị định 66
		Sở GDĐT TP Huế	Đề nghị chỉnh sửa thành "Mỗi học sinh 550.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học"	Đã tiếp thu thống nhất mức hỗ trợ bằng tiền cho học sinh THCS và tiểu học là 450.000 đồng
		Sở GDĐT tỉnh Quảng Ngãi	Tại khoản 2 Điều 3 dự thảo ghi: “Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh 450.000 đồng/tháng đối với học sinh trung học cơ sở”. Đề xuất điều chỉnh mức hỗ trợ lên 660.000 đồng/tháng (tương đương với 70% trong mức hỗ trợ từ 936.000 đồng/tháng tại Nghị định 66/2025/NĐ-CP).	Đã tiếp thu thống nhất mức hỗ trợ bằng tiền cho học sinh THCS và tiểu học là 450.000 đồng
		Sở GDĐT Quảng Ninh	Tại nội dung Điều 3 và Điều 4 có thể viết lại thành: “Mỗi học sinh thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này được hỗ trợ tiền là 450.000 đồng/tháng và hỗ trợ gạo là 08kg/tháng. Cơ sở giáo dục có tổ chức ăn tập trung tại trường được hưởng mức chính sách theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ. Thời gian được hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế của học sinh nhưng không quá 09 tháng/năm học.”	Đã tiếp thu thống nhất mức hỗ trợ bằng tiền cho học sinh THCS và tiểu học là 450.000 đồng
		Đinh Thế Hiệp (Sở GD Tuyên Quang)	Đề nghị sửa thành Điều 3. Mức hỗ trợ: 1. Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh 450.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 10 tháng/năm học. 2. Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh được hỗ trợ 08 kg gạo/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 10 tháng/năm học. 3. Học sinh lớp 1 là người dân tộc thiểu số có học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp 1 thì được hưởng thêm 01 tháng các chính sách quy định tại các khoản 1, 2 Điều này.	Thời gian hỗ trợ tính theo thời gian thực học theo quy định (tối đa 35 tuần); đã tiếp thu quy định về học sinh lớp 1 là người dân tộc thiểu số có học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp 1 thì được hưởng thêm 01 tháng các chính sách
		Đinh Ngọc Sơn (Sở GDĐT Quảng Ninh)	Điều 3 có thể viết lại là: “Mỗi học sinh thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này được hỗ trợ tiền là 450.000 đồng/tháng và hỗ trợ gạo là 08kg/tháng; thời gian được hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế của học sinh nhưng không quá 09 tháng/năm học.”	Đã tiếp thu

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		Mai Huy Phương (PGĐ, SGGDT Quảng trị)	Tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Dự thảo quy định mức hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh tiểu học là 400.000 đồng/tháng, thấp hơn 50.000 đồng/tháng đối với học sinh trung học cơ sở. Thực tế, tại các trường liên cấp tiểu học và trung học cơ sở, với định mức trên, khi tổ chức nấu ăn cho học sinh, các trường sẽ khó phân chia khẩu phần ăn cho học sinh tiểu học với mức 400.000 đồng/tháng và học sinh trung học cơ sở với mức 450.000 đồng/tháng. Trong khi đó, mức gạo hỗ trợ như nhau (08 kg/tháng). Ngoài ra, Theo Nghị định số 66, học sinh bán trú cấp tiểu học được hưởng hỗ trợ tiền ăn bằng với học sinh bán trú cấp trung học cơ sở (936.000 đồng/tháng); tại các trường phổ bán trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở hoặc trường phổ thông liên cấp tiểu học và trung học cơ sở có học sinh bán trú theo học ở các vùng biên giới vẫn có học sinh không thuộc diện hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ theo học. Do đó, khi tổ chức nấu ăn trưa thì các em học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở thuộc diện hỗ trợ ăn trưa theo Dự thảo Nghị định này vẫn ăn chung cùng các em học sinh bán trú thuộc diện chính sách theo Nghị định số 66. Với lý do trên, đề nghị điều chỉnh mức hỗ trợ tiền ăn trưa cho học sinh tiểu học trong Dự thảo Nghị định này lên 450.000 đồng/tháng (bằng với học sinh trung học cơ sở).	Đã tiếp thu thống nhất mức hỗ trợ bằng tiền cho học sinh THCS và tiểu học là 450.000 đồng
		Định Ngọc Hà (Sở GDĐT Quảng Trị)	Tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Dự thảo quy định mức hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh tiểu học là 400.000 đồng/tháng, thấp hơn 50.000 đồng/tháng đối với học sinh trung học cơ sở. Thực tế, tại các trường liên cấp tiểu học và trung học cơ sở, với định mức trên, khi tổ chức nấu ăn cho học sinh, các trường sẽ khó phân chia khẩu phần ăn cho học sinh tiểu học với mức 400.000 đồng/tháng và học sinh trung học cơ sở với mức 450.000 đồng/tháng. Trong khi đó, mức gạo hỗ trợ như nhau (08 kg/tháng). Ngoài ra, Theo Nghị định số 66, học sinh bán trú cấp tiểu học được hưởng hỗ trợ tiền ăn bằng với học sinh bán trú cấp trung học cơ sở (936.000 đồng/tháng); tại các trường phổ bán trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở hoặc trường phổ thông liên cấp tiểu học và trung học cơ sở có học sinh bán trú theo học ở các vùng biên giới vẫn có học sinh không thuộc diện hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ theo học. Do đó, khi tổ chức nấu ăn trưa thì các em học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở thuộc diện hỗ trợ ăn trưa theo Dự thảo Nghị định này vẫn ăn chung cùng các em học sinh bán trú thuộc diện chính sách theo Nghị định số 66. Với lý do trên, đề nghị điều chỉnh mức hỗ trợ tiền ăn trưa cho học sinh tiểu học trong Dự thảo Nghị định này lên 450.000 đồng/tháng (bằng với học sinh trung học cơ sở).	Đã tiếp thu thống nhất mức hỗ trợ bằng tiền cho học sinh THCS và tiểu học là 450.000 đồng
		Sở GDĐT tỉnh Gia Lai	Đề nghị nâng mức hỗ trợ lên cụ thể như sau: Mỗi học sinh 840.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học.	Không tiếp thu. Đã tính toán để phù hợp với quy định tại Nghị định 66

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		Đỗ Quyết Tiến (Bộ DT và TG)	Về mức hỗ trợ gạo cho học sinh tiểu học là 08 kg gạo/tháng. Vì thực tế các cháu tiểu học học tối đa 22 ngày/tháng, mỗi ngày chỉ ăn 1 bữa trưa, nếu theo mức hỗ trợ thì trung bình mỗi ngày 363g gạo (theo thông tin cập nhật nhu cầu hằng ngày của chất bột đường từ 9-12 gam/ 1 kg thể trọng, và một người lớn năng trung bình 50-60 kg cần khoảng 300 g mỗi ngày) . Do đó, đề nghị xem xét tính toán lượng gạo cấp hàng tháng dựa trên cơ sở khoa học, đảm bảo đúng đủ như cầu, trách lãng phí và xem xét chuyển nguồn dư (nếu có) sang hỗ trợ tiền ăn để tăng lượng dinh dưỡng cho các cháu.	Mức hỗ trợ gạo đã được tính toán để thống nhất với quy định tại Nghị định 66
		Sở GDĐT tỉnh Gia Lai	Đề nghị nâng mức hỗ trợ lên cụ thể như sau: Mỗi học sinh được hỗ trợ 15 kg gạo/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học.	Không tiếp thu. Đã tính toán để phù hợp với quy định tại Nghị định 66
4	Điều 4. Cách thức triển khai			
4.1	1. Cơ sở giáo dục được chủ động tổ chức triển khai bữa ăn cho học sinh căn cứ vào điều kiện thực tế, đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.			
		Bộ Nội vụ	Cho phép “Cơ sở giáo dục được chủ động tổ chức triển khai bữa ăn” mặc dù tạo sự linh hoạt, nhưng điều này cũng đặt thêm gánh nặng lớn lên các trường học từ việc lên thực đơn, mua sắm thực phẩm, kiểm soát an toàn vệ sinh, đến quản lý tài chính, nhân sự nhà bếp. Dự thảo chưa đề cập đến kinh phí quản lý hay hỗ trợ nhân lực (cấp dưỡng) cho các trường để thực hiện nhiệm vụ trên	Việc quy định để đảm bảo tính chủ động, tăng cường phân quyền và trách nhiệm cho cơ sở giáo dục trong việc góp phần tăng cường thể chất, dinh dưỡng cho học sinh đảm bảo sức khỏe học tập. Dự thảo đã quy định kinh phí tổ chức bữa ăn trưa cho các cơ sở giáo dục tại khoản 2 điều này, thống nhất mức hỗ trợ quy định tại Nghị định 66
		Bộ Nông nghiệp và Môi trường	đề nghị bổ sung quy định cơ sở giáo dục cần ưu tiên sử dụng thực phẩm sạch, có nguồn gốc rõ ràng, an toàn (VietGAP, OCOP...).	Đã quy định tại dự thảo Nghị định tại khoản này về việc cơ sở giáo dục tổ chức triển khai bữa ăn cho học sinh căn cứ vào điều kiện thực tế, đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định
		Sở GDĐT tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị xem xét đối với trường hợp “cơ sở giáo dục không tổ chức triển khai được bữa ăn cho học sinh” thì có thể hỗ trợ gạo và kinh phí cho phụ huynh học sinh để tự túc bữa ăn.	Cách thức thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này là cơ sở giáo dục tổ chức bữa ăn trưa cho học sinh theo phương án Chính phủ đã trình báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Tờ trình số 610/TTr-CP ngày 26/6/2025

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Đề nghị nghiên cứu một số vấn đề có thể phát sinh để tạo thuận lợi cho đối tượng thụ hưởng, cơ quan quản lý khi triển khai thực hiện tại cơ sở, như: trường chưa tổ chức học 2 buổi/ngày thì học sinh có được phát tiền; việc sử dụng gạo còn thừa có được phát gạo cho học sinh đem về nhà; trường không tổ chức nấu ăn mà chọn hình thức sử dụng bữa ăn của nhà cung cấp dịch vụ thì việc xử lý gạo cho học sinh như thế nào...	Cách thức thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này là cơ sở giáo dục tổ chức bữa ăn trưa cho học sinh theo phương án Chính phủ đã trình báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Tờ trình số 610/TTr-CP ngày 26/6/2025
4.2	2. Cơ sở giáo dục có tổ chức ăn tập trung tại trường được hưởng mức chính sách theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.	Sở GDĐT tỉnh Lạng Sơn	Đưa nội dung Khoản 2, Điều 4 vào nội dung Điều 3 với nội dung: “3. Cơ sở giáo dục có tổ chức ăn tập trung tại trường cho học sinh được hưởng chính sách tại Nghị định này được hưởng mức chính sách theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.”	Tiếp thu theo góp ý của Bộ Tư pháp, quy định cụ thể các chính sách cơ sở giáo dục được hưởng khi tổ chức bữa ăn trưa
		Bộ Tư pháp	Việc quy định cơ sở giáo dục có tổ chức ăn trưa được hưởng chính sách theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP là chưa thực sự thống nhất với chính sách tại dự thảo Nghị định (ví dụ: chính sách tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP...). Do đó, trường hợp giữ nguyên chính sách này tại dự thảo Nghị định, cơ quan chủ trì soạn thảo cần làm rõ tại dự thảo Tờ trình; đồng thời, điều chỉnh thống nhất giữa tên, phạm vi điều chỉnh và nội dung chính sách này	Đã tiếp thu, hoàn thiện nội dung quy định cụ thể chính sách cho cơ sở giáo dục tại dự thảo Nghị định. Lý do: Nghị định quy định về chính sách hỗ trợ tổ chức bữa ăn trưa cho học sinh, do vậy việc hỗ trợ cho cơ sở giáo dục để phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện chính sách là cần thiết (người thụ hưởng chính sách này vẫn là học sinh).
		Sở GDĐT Quảng Ninh	Tại nội dung Điều 3 và Điều 4 có thể viết lại thành: “Mỗi học sinh thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này được hỗ trợ tiền là 450.000 đồng/tháng và hỗ trợ gạo là 08kg/tháng. Cơ sở giáo dục có tổ chức ăn tập trung tại trường được hưởng mức chính sách theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ. Thời gian được hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế của học sinh nhưng không quá 09 tháng/năm học.”	Đã quy định cụ thể hơn về các chính sách cơ sở giáo dục được hưởng khi tổ chức bữa ăn tập trung
		Bộ Nông nghiệp và Môi trường	đề nghị bổ sung yêu cầu phối hợp với Sở, ngành trong việc hướng dẫn tổ chức bếp ăn tập trung, kiểm soát an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường.	Đã quy định tại Điều 9 về trách nhiệm hướng dẫn tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách đối với HĐND và UBND các cấp
		Bùi Thu Hà (Sở GDĐT Quảng Ninh)	Tại khoản 2 Điều 4 đang dự thảo: “Cơ sở giáo dục có tổ chức ăn tập trung tại trường được hưởng mức chính sách theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP...”. Đề nghị xem xét bỏ khoản này vì tại nội dung chính sách không đề cập đối với chính sách cho cơ sở giáo dục.	Đã bổ sung đối tượng áp dụng bao gồm cả cơ sở giáo dục có học sinh hưởng chính sách

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Chỉ đạo rà soát, cải tạo, xây mới, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng phục vụ công tác tổ chức bữa ăn trưa tại trường học, bảo đảm an toàn thực phẩm và dinh dưỡng hợp lý kết hợp với tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh trong trường học. Bổ trí đủ nhân lực và tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, nhân viên nhà bếp đảm bảo hiệu quả nhiệm vụ tổ chức bữa ăn trưa theo quy định tại Nghị định này.	Đã quy định tại khoản 2 Điều 4
		Trần sĩ Thành (PGĐ, Sở GDDT Lâm Đồng)	Trong trường hợp cơ sở giáo dục chưa đảm bảo được điều kiện để triển khai bữa ăn cho học sinh thì cần quy định về hình thức hỗ trợ (chỉ trực tiếp cho học sinh hoặc cha mẹ học sinh bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản). Trong trường hợp học sinh thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách thì việc triển khai nấu ăn theo dự thảo Nghị định quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền được áp dụng như thế nào, cần được hướng dẫn cụ thể.	Khoản 1 Điều 2 quy định học sinh chỉ được hưởng mức cao nhất của chính sách. Cách thức thực hiện là cơ sở giáo dục tổ chức ăn tập trung, do vậy không có trường hợp chi trả hỗ trợ tiền cho cha mẹ học sinh
5	Điều 5. Quy trình xét duyệt đối tượng được hưởng chính sách			
5.1	1. Vào đầu năm học, các cơ sở giáo dục tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi, hướng dẫn cho cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng và học sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách chuẩn bị Đơn đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa (theo Mẫu số 01) quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Xem xét, nghiên cứu bỏ thủ tục cha mẹ học sinh phải làm Đơn đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa, với lý do thực hiện việc đơn giản hoá các thủ tục hành chính phát sinh.	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo
		Sở GDDT Quảng Ninh	Đề nghị nghiên cứu để bỏ thủ tục cha mẹ học sinh phải làm Đơn đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa; giao trách nhiệm cơ sở giáo dục việc lập danh sách học sinh thuộc đối tượng được hỗ trợ, thông báo công khai cho cha mẹ học sinh, gửi Phòng Văn hóa - Xã hội/Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp xã/Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		Sở GDĐT Tuyên Quang	a) Thông báo lần 1: Thực hiện trong tháng 8, đồng thời tiếp nhận và tổ chức xét duyệt theo quy định tại khoản 2,3,4, 5 của Điều này. b) Thông báo lần 2: Thực hiện chậm nhất trước ngày 15 tháng 10 hằng năm để rà soát, bổ sung, bảo đảm không bỏ sót đối tượng đủ điều kiện nhưng chưa kịp đăng ký ở lần 1 và tổ chức xét duyệt theo quy định tại khoản 2,3,4, 5 của Điều này. - Lý do đề xuất: + Bổ sung mốc thời gian cụ thể (tháng 8 và trước ngày 15/10) để bảo đảm tính thống nhất với lịch khai giảng năm học, giúp phụ huynh và học sinh có đủ thời gian chuẩn bị hồ sơ, hưởng chính sách sớm. + Quy định việc thông báo ít nhất 02 lần nhằm tăng cường trách nhiệm của nhà trường, tránh bỏ sót đối tượng thụ hưởng, đặc biệt đối với vùng khó khăn, nơi phụ huynh thường đi làm xa, ít có điều kiện tiếp cận thông tin kịp thời. - Đề phù hợp với việc triển khai chính quyền 2 cấp, học sinh tiểu học và trung học cơ sở thuộc địa bàn của xã quản lý nên để UBND xã phê duyệt (kể cả đối với cơ sở giáo dục do Sở GDĐT quản lý) vì: + UBND cấp xã là cơ quan quản lý hành chính tại địa bàn, nắm chắc hộ khẩu, nhân khẩu, điều kiện kinh tế - xã hội của từng hộ gia đình, có cơ sở để xác nhận đối tượng đúng theo tiêu chuẩn chính sách. + Việc phê duyệt danh sách do cơ sở giáo dục trình sẽ tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và sự đồng thuận của cộng đồng. + Phê duyệt tại cấp xã cũng giúp rút ngắn quy trình (không phải chờ thẩm định ở Sở GDĐT, tỉnh), từ đó chính sách được triển khai nhanh chóng, kịp thời ngay trong năm học.	Đã bổ sung quy định về việc phát sinh tăng/giảm học sinh được hưởng chính sách sau thời điểm đầu năm học "5. Trường hợp trong năm học phát sinh tăng, giảm học sinh hưởng chính sách, cơ sở giáo dục lập danh sách theo Mẫu 1 và thực hiện quy trình xét duyệt đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại Điều này" Bảo lưu quy định về việc UBND cấp tỉnh phê duyệt danh sách được hưởng chính sách cho các cơ sở giáo dục trực thuộc theo thẩm quyền
		Đinh Thế Hiệp (Sở GD Tuyên Quang)	Đề nghị bổ sung thêm một khoản vào Điều 5 “Trường hợp phát sinh học sinh thuộc diện thụ hưởng sau thời điểm thông báo lần 2, cơ sở giáo dục tiếp tục tiếp nhận, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã để bổ sung hồ sơ và tổng hợp báo cáo, bảo đảm quyền lợi cho học sinh”. Lý do đề xuất: Học sinh từ nơi khác gia đình chuyển đến xã biên giới, thay đổi nơi cư trú, hộ khẩu...	Học sinh chuyển trường đã được quy định tại Điều 2 dự thảo Nghị định
		Bộ Tư pháp	Các cơ sở giáo dục đều có hồ sơ quản lý học sinh thuộc đối tượng được thụ hưởng chính sách. Do đó, nội dung này cần nhắc chính lý theo hướng, học sinh không phải làm đơn đề nghị hưởng chính sách mà giao trách nhiệm luôn cho cơ sở giáo dục để bảo đảm đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo
		Đinh Ngọc Sơn (Sở GDĐT Quảng Ninh)	Đề nghị nghiên cứu để bỏ thủ tục cha mẹ học sinh phải làm Đơn đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa; giao trách nhiệm cơ sở giáo dục việc lập danh sách học sinh thuộc đối tượng được hỗ trợ, thông báo công khai cho cha mẹ học sinh, gửi Phòng Văn hóa - Xã hội/Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp xã/Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		Sở GDĐT Điện Biên	Khoản 1, đề nghị sửa như sau để bảo đảm tính chính xác: “1. Vào đầu năm học, các cơ sở giáo dục tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi, hướng dẫn cho cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng và học sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách chuẩn bị Đơn đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”.	Đã tiếp thu ý kiến của các cơ quan, bỏ quy định nộp Đơn đề nghị tại khoản này
		Bộ Khoa học và Công nghệ	Khoản 5 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc hưởng chính sách đối với học sinh tiểu học và trung học cơ sở nhập học tại các cơ sở giáo dục thuộc các xã biên giới đất liền. Tuy nhiên Điều 5 dự thảo Nghị định mới chỉ quy định quy trình xét duyệt đối tượng được hưởng chính sách vào thời điểm đầu năm học. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát và cân nhắc bổ sung nội dung quy định quy trình xét duyệt đối với học sinh tiểu học và trung học cơ sở tại các cơ sở giáo dục thuộc các xã biên giới đất liền có thời điểm nhập học trong năm.	Đã tiếp thu và bổ sung khoản 5 tại Điều này "5. Trường hợp trong năm học phát sinh tăng, giảm học sinh hưởng chính sách, cơ sở giáo dục lập danh sách theo Mẫu 1 và thực hiện quy trình xét duyệt đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại Điều này"
5.2	2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cơ sở giáo dục thông báo, cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh hưởng chính sách gửi Đơn đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp cho cơ sở giáo dục (nộp 01 lần đầu đề nghị xét hưởng chính sách cho cả cấp học). Cơ sở giáo dục tiếp nhận, kiểm tra, ký xác nhận.			Bỏ yêu cầu nộp đơn nên gộp quy định khoản 2 và 3 thành khoản 2
5.3	3. Sau ngày hết hạn nhận đơn, trong thời hạn 07 ngày làm việc, cơ sở giáo dục tổ chức xét duyệt các Đơn đề nghị đủ điều kiện được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này. Ngay sau khi có kết quả xét duyệt, cơ sở giáo dục lập và thông báo công khai danh sách học sinh được hưởng chính sách theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này tại trụ sở làm việc trong thời hạn 03 ngày làm việc.	Sở GDĐT Điện Biên	Khoản 3 đề nghị sửa như sau để bảo đảm tính logic: “Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn, cơ sở giáo dục tổ chức xét duyệt các Đơn đề nghị đủ điều kiện được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xét duyệt, cơ sở giáo dục lập và thông báo công khai tại trụ sở làm việc danh sách học sinh được hưởng chính sách theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”.	Đã tiếp thu
5.4	4. Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn công khai danh sách học sinh được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này, cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân xã gửi hồ sơ về Phòng Văn hóa - Xã hội, cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo.	Trần sĩ Thành (PGD, Sở GDĐT Lâm Đồng)	Điều chỉnh nội dung tại khoản 4 Điều 5 “...cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...” thành “cơ sở giáo dục trực thuộc cấp tỉnh....”.	Đã tiếp thu

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
5.5	Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của cơ sở giáo dục, Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định phê duyệt danh sách học sinh hưởng chính sách theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân gửi thông báo kết quả phê duyệt cho Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Phòng Văn hóa – Xã hội để thông báo cho các cơ sở giáo dục.			
		Bộ Nội vụ	Quy trình rà soát, lập danh sách đối tượng thụ hưởng còn qua nhiều cấp, cần nhiều thời gian, có thể làm giảm hiệu quả, tính kịp thời của chính sách, đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc, nghiên cứu sử dụng thông tin, dữ liệu học sinh từ hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác định đối tượng hỗ trợ được chính xác, không bỏ sót đối tượng, bảo đảm diện bao phủ cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới và đất liền, không phân biệt loại hình học tập	Đã tiếp thu và cắt giảm các thủ tục: học sinh được hưởng phải có Đơn đề nghị của cha mẹ, người giám hộ, người chăm sóc; giao trách nhiệm cho cơ sở giáo dục lập danh sách các đối tượng đủ điều kiện được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này (khoản 2)
		Sở GDDT Tuyên Quang	Đề nghị bổ sung thêm một khoản vào Điều 5 “Trường hợp phát sinh học sinh thuộc diện thụ hưởng sau thời điểm thông báo lần 2, cơ sở giáo dục tiếp tục tiếp nhận, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã để bổ sung hồ sơ và tổng hợp báo cáo, bảo đảm quyền lợi cho học sinh”. Lý do đề xuất: Học sinh từ nơi khác gia đình chuyển đến xã biên giới, thay đổi nơi cư trú, hộ khẩu...	Đã quy định bổ sung tại khoản 5 Điều này liên quan đến việc tăng/giảm học sinh được hưởng chính sách sau thời điểm đầu năm học "5. Trường hợp trong năm học phát sinh tăng, giảm học sinh hưởng chính sách, cơ sở giáo dục lập danh sách theo Mẫu 1 và thực hiện quy trình xét duyệt đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại Điều này"
6	Điều 6. Trình tự, thủ tục và quy trình đề nghị cấp hỗ trợ gạo			
6.1	Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.	Bộ Tài chính	Đề nghị sửa lại như sau: “Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách và các văn bản hướng dẫn điều chỉnh, sửa đổi bổ sung của cấp có thẩm quyền (nếu có)”.	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		Mai Huy Phương (PGĐ, SGDDT Quảng trị) Định Ngọc Hà (Sở GDĐT Quảng Trị)	Đề nghị điều chỉnh như sau: “Thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8 Điều 11 Nghị định số 66”, Lý do: (1) Tại điểm a khoản 4 Điều 11 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định: “Các đơn vị dự trữ quốc gia tổ chức vận chuyển gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho học sinh, học viên và giao cho đơn vị tiếp nhận gạo của tỉnh tại trung tâm quận, huyện, thị xã, thành phố của các tỉnh được hỗ trợ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho một đơn vị tiếp nhận gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho học sinh, học viên của tỉnh. Đơn vị tiếp nhận gạo của tỉnh có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận gạo trên phương tiện vận chuyển của bên giao tại trung tâm quận, huyện, thị xã, thành phố của tỉnh; hướng dẫn, chỉ đạo các phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức vận chuyển gạo về các cơ sở giáo dục để cấp phát cho đối tượng được hỗ trợ;”. Tuy nhiên, hiện nay đang tổ chức chính quyền địa phương theo 2 cấp (không còn cấp huyện). Do đó việc áp dụng điểm a khoản 4 Điều 11 Nghị định số 66 không còn phù hợp;	Thực hiện theo ý kiến Bộ Tài chính
		Sở GDĐT Nghệ An	Do hiện nay đang triển khai mô hình chính quyền ĐP hai cấp, không còn cấp huyện nên tại Điều 6, Dự thảo Nghị định quy định “Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP...” là không còn phù hợp với tình hình thực tiễn. Vì vậy, đề nghị Tổ soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh như sau: “Điều 6. Trình tự, thủ tục và quy trình đề nghị cấp hỗ trợ gạo 1. Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8 Điều 11 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP...” 2. Các đơn vị dự trữ quốc gia tổ chức vận chuyển gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho học sinh và giao cho đơn vị tiếp nhận gạo của tỉnh được hỗ trợ (do UBND tỉnh bố trí). Ủy ban nhân dân cấp xã là đơn vị tiếp nhận gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho học sinh của đơn vị mình; có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận gạo trên phương tiện vận chuyển của bên giao tại trung tâm xã; tổ chức vận chuyển gạo giao cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn để cấp phát gạo cho đối tượng được hỗ trợ.”	Thực hiện theo ý kiến Bộ Tài chính
		Mai Huy Phương (PGĐ, SGDDT Quảng trị) Định Ngọc Hà (Sở GDĐT Quảng Trị)	Đề nghị bổ sung thêm điểm b Điều 6 trong Dự thảo như sau: “b. Các đơn vị dự trữ quốc gia tổ chức vận chuyển gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho học sinh, học viên và giao cho đơn vị tiếp nhận gạo của tỉnh tại trung tâm xã của các tỉnh được hỗ trợ. Ủy ban nhân dân cấp xã là đơn vị tiếp nhận gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho học sinh, có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận gạo trên phương tiện vận chuyển của bên giao tại trung tâm xã của tỉnh; tổ chức vận chuyển gạo về các cơ sở giáo dục trên địa bàn để cấp phát cho đối tượng được hỗ trợ.”	Thực hiện theo ý kiến Bộ Tài chính
		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Hướng dẫn sử dụng nguồn kinh phí vận chuyển gạo từ trung tâm xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố đến cơ sở giáo dục (đơn vị trực tiếp sử dụng gạo).	Đã quy định tại Điều 6

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
III	CHƯƠNG III. NGUỒN KINH PHÍ VÀ LẬP, PHÂN BỐ DỰ TOÁN, QUẢN LÝ, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH			
7	Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách			
7.1	1. Kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này bao gồm:			
	a) Ngân sách nhà nước, bao gồm: Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương theo quy định và ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách.	Bộ Tài chính	Đề nghị sửa điểm a khoản 1 như sau: “Kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này bao gồm: a) NSNN đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; NSTW hỗ trợ NSDP để thực hiện chính sách theo nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW cho NSDP thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành được cấp có thẩm quyền quyết định áp dụng cho từng thời kỳ, bao gồm: Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương theo quy định và ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách”.	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo "a) Ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; Ngân sách trung ương hỗ trợ Ngân sách địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 3, kinh phí phục vụ nấu ăn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 theo nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách trung ương cho Ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành được cấp có thẩm quyền quyết định áp dụng cho từng thời kỳ"
		Sở GDĐT Điện Biên	Tại điểm a khoản 1 Điều 7 đề nghị xem xét sửa lại như sau: “a) Kinh phí hỗ trợ tiền ăn được cân đối trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo hằng năm của địa phương. Ngân sách trung ương thực hiện hỗ trợ cho các địa phương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và cơ chế hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Thủ tướng Chính phủ quyết định."	Tiếp thu theo ý kiến Bộ Tài chính
		Nguyễn Lan Hương (Vụ GDPT)	Sửa đổi, bổ sung Điều 7: Kinh phí vận chuyển gạo từ kho dự trữ quốc gia đến trung tâm xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố được bố trí từ chi dự trữ quốc gia. Kinh phí vận chuyển gạo từ trung tâm xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố đến cơ sở giáo dục (đơn vị trực tiếp sử dụng gạo) được cân đối trong dự toán chi thường xuyên hằng năm theo phân cấp quản lý hiện hành.	Tiếp thu theo ý kiến Bộ Tài chính
		Mai Huy Phương (PGD, SGDDT Quảng trị)	Cần có sự thống nhất phương thức, kinh phí vận chuyển, giao nhận gạo tại Nghị định này thống nhất với phương thức, kinh phí vận chuyển, giao nhận gạo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ.	Tiếp thu theo ý kiến Bộ Tài chính

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		Định Ngọc Hà (Sở GDĐT Quảng Trị)	Cần có sự thống nhất phương thức, kinh phí vận chuyển, giao nhận gạo tại Nghị định này thống nhất với phương thức, kinh phí vận chuyển, giao nhận gạo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ.	
		Đỗ Quyết Tiến (Bộ DT và TG)	Hướng dẫn sử dụng nguồn kinh phí vận chuyển gạo từ trung tâm xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố đến cơ sở giáo dục (đơn vị trực tiếp sử dụng gạo).	Tiếp thu theo ý kiến Bộ Tài chính
		Mai Huy Phương (PGĐ, SGDDT Quảng trị)	Sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 11 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP như sau: “Các đơn vị dự trữ quốc gia tổ chức vận chuyển gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho học sinh, học viên và giao cho đơn vị tiếp nhận gạo của tỉnh tại trung tâm xã của các tỉnh được hỗ trợ. Ủy ban nhân dân cấp xã là đơn vị tiếp nhận gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho học sinh, có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận gạo trên phương tiện vận chuyển của bên giao tại trung tâm xã của tỉnh; tổ chức vận chuyển gạo về các cơ sở giáo dục trên địa bàn để cấp phát cho đối tượng được hỗ trợ.”	Tiếp thu theo ý kiến Bộ Tài chính
		Định Ngọc Hà (Sở GDĐT Quảng Trị)	Sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 11 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP như sau: “Các đơn vị dự trữ quốc gia tổ chức vận chuyển gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho học sinh, học viên và giao cho đơn vị tiếp nhận gạo của tỉnh tại trung tâm xã của các tỉnh được hỗ trợ. Ủy ban nhân dân cấp xã là đơn vị tiếp nhận gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho học sinh, có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận gạo trên phương tiện vận chuyển của bên giao tại trung tâm xã của tỉnh; tổ chức vận chuyển gạo về các cơ sở giáo dục trên địa bàn để cấp phát cho đối tượng được hỗ trợ.”	Tiếp thu theo ý kiến Bộ Tài chính
	b) Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác (nếu có) để hỗ trợ thêm cho bữa ăn trưa được đầy đủ và đảm bảo dinh dưỡng theo quy định.			
7.2	2. Nguồn gạo hỗ trợ từ nguồn dự trữ quốc gia để thực hiện chính sách. Kinh phí vận chuyển gạo từ trung tâm các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đến cơ sở giáo dục (đơn vị trực tiếp sử dụng gạo) được cân đối trong dự toán chi thường xuyên hằng năm theo phân cấp quản lý hiện hành.	Bộ Tài chính	Đề phù hợp với đề xuất sửa đổi Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ tại văn bản số 6071/BTC-DTNN ngày 07/5/2025 của Bộ Tài chính và thực hiện theo Thông tư số 60/2025/TT-BTC ngày 27/6/2025 của Bộ Tài chính quy định về quy trình, trình tự, thủ tục thực hiện phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực dự trữ quốc gia và nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ, đề nghị sửa khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị định như sau: “Nguồn gạo hỗ trợ từ nguồn dự trữ quốc gia để thực hiện chính sách được cấp từ nguồn dự trữ quốc gia. Kinh phí vận chuyển gạo từ trung tâm các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương kho dự trữ quốc gia đến trung tâm đơn vị hành chính cấp xã (xã, phường, đặc khu) được bố trí từ chi dự trữ quốc gia. Kinh phí vận chuyển gạo từ trung tâm đơn vị hành chính cấp xã đến cơ sở giáo dục (đơn vị trực tiếp sử dụng gạo) được cân đối bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành”.	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		Bộ Nông nghiệp và Môi trường	đề nghị bổ sung nội dung khuyến khích địa phương chủ động sử dụng một phần kinh phí hỗ trợ để mua gạo, thực phẩm tươi sống từ sản xuất tại chỗ (gạo, rau, thịt, thủy sản), nhằm gắn chính sách với tiêu thụ nông sản địa phương, giảm chi phí vận chuyển và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp bền vững tại vùng	Việc bổ sung thêm chính sách đã được quy định về thẩm quyền của HĐND (điểm a khoản 4 Điều 9); Nghị định đã quy định về nguồn kinh phí thực hiện chính sách bao gồm cả nguồn xã hội hóa (điểm b khoản 1 Điều 7), Việc tổ chức thực hiện chính sách tại địa phương do UBND tỉnh/xã hướng dẫn để bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương (Điều 9)
8	Điều 8. Quy trình lập dự toán, phân bổ, quản lý và quyết toán kinh phí			
8.1	1. Lập dự toán			
	a) Hằng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, các cơ sở giáo dục căn cứ số lượng học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở đang theo học tại trường để lập danh sách, xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa và kinh phí hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục.			
	b) Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân xã gửi báo cáo dự toán về Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp theo Mẫu số 04 gửi cơ quan tài chính cùng cấp làm căn cứ xác định, bố trí dự toán kinh phí của năm kế hoạch;	Sở GDĐT Điện Biên	Điểm a khoản 1 Điều 8, đề nghị sửa như sau để quy định được đầy đủ: “Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân xã gửi dự toán kinh phí theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này về Phòng Văn hóa – Xã hội để tổng hợp gửi phòng Kinh tế/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cùng cấp làm căn cứ xác định, bố trí dự toán kinh phí của năm kế hoạch;”	Thực hiện theo quy định của Luật NSNN
		Sở GDĐT Tuyên Quang	Đề nghị điều chỉnh các cơ sở giáo dục gửi báo cáo dự toán về Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp ... (phù hợp với nội dung đã đề xuất ở trên).	Đã quy định tại điểm a khoản 1 Điều này
		Sở GDĐT tỉnh Hà Tĩnh	Tại điểm b khoản 1 Điều 8, đề nghị bổ sung thêm “Cơ quan tài chính cấp xã tổng hợp dự toán gửi cơ quan tài chính cấp trên để tổng hợp”.	Không tiếp thu do đây là quy trình lập kế hoạch tài chính - ngân sách của cơ quan tài chính, thực hiện theo quy định của Luật NSNN

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
	c) Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, các cơ sở giáo dục trực thuộc cấp tỉnh gửi báo cáo dự toán về Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp làm căn cứ xác định, bố trí dự toán kinh phí của năm kế hoạch.			
		Sở GDĐT tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị bổ sung thêm điểm c “Cơ quan tài chính cấp tỉnh tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ vào phương án dự toán ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo quy định”.	Không tiếp thu do đây là quy trình lập kế hoạch tài chính - ngân sách của cơ quan tài chính, thực hiện theo quy định của Luật NSNN
8.2	2. Phân bổ dự toán			
	a) Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề địa phương theo quy định;			
	b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề địa phương theo quy định.			
		Sở GDĐT tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị bổ sung nội dung “Sau khi được Thủ tướng Chính phủ (đối với cấp tỉnh), UBND cấp tỉnh (đối với cấp xã) giao dự toán ngân sách, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện”	Không tiếp thu do đây là quy trình lập kế hoạch tài chính - ngân sách của cơ quan tài chính, thực hiện theo quy định của Luật NSNN
8.3	3. Quản lý và quyết toán kinh phí			
	a) Các cơ sở giáo dục được giao kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật;			

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
	b) Số liệu quyết toán kinh phí chi trả chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền được tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của đơn vị theo đúng quy định hiện hành của Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành;			
	c) Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này được thực hiện 1 lần trong năm học vào tháng 12 năm trước năm kế hoạch và được điều chỉnh, bổ sung trong năm nếu có phát sinh theo quy định.	Sở GDĐT Cao Bằng	Tại điểm c khoản 3 Điều 8, đề nghị điều chỉnh "Điều 5" thành "Điều 3".	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo
		Trần sĩ Thành (PGĐ, Sở GDĐT Lâm Đồng)	Điều chỉnh nội dung tại điểm c khoản 3 Điều 8 “Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5....” thành “Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3”	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo
		Nguyễn Lăng (Sở GD Tuyên Quang)	Đề nghị sửa như sau: “Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này...”	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo
		UBND tỉnh An Giang	Tại điểm c khoản 3 Điều 8: Cần điều chỉnh từ ngữ “Điều 5” thành “Điều 3” để đúng với quy định, cụ thể như sau: “c) Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này...”	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo
		Sở GDĐT Quảng Ninh	Đề nghị điều chỉnh thành: Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này được cấp phát hàng tháng và bổ sung trong năm/năm học nếu có phát sinh theo quy định, Lý do đề nghị điều chỉnh: Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa nên thực hiện hàng tháng để học sinh được kịp thời sử dụng kinh phí, đồng thời cấp phát hàng tháng và bổ sung trong năm để quyết toán trong năm ngân sách hoặc trong cùng năm học,	Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh được thực hiện vào tháng 12 để phù hợp với quy định của Luật NSNN. Việc cấp kinh phí sẽ do cơ quan kiểm soát thanh toán tại địa phương thực hiện theo quy định

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		Bùi Thu Hà (Sở GDĐT Quảng Ninh)	Tại điểm c khoản 3 Điều 8 đang dự thảo: Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này được thực hiện 1 lần trong năm học vào tháng 12 năm trước năm kế hoạch và được điều chỉnh, bổ sung trong năm nếu có phát sinh theo quy định. - Đề nghị điều chỉnh thành: Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này được cấp phát hàng tháng và bổ sung trong năm/năm học nếu có phát sinh theo quy định. - Lý do đề nghị điều chỉnh: Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa nên thực hiện hàng tháng để học sinh được kịp thời sử dụng kinh phí, đồng thời cấp phát hàng tháng và bổ sung trong năm để quyết toán trong năm ngân sách hoặc trong cùng năm học.	Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh được thực hiện vào tháng 12 để phù hợp với quy định của Luật NSNN. Việc cấp kinh phí sẽ do cơ quan kiểm soát thanh toán tại địa phương thực hiện theo quy định
		Sở GDĐT Tuyên Quang	Đề nghị cấp kinh phí theo tháng để đảm bảo kịp thời. Học sinh được thụ hưởng ngay, giúp bảo đảm ăn uống đầy đủ, duy trì sức khỏe và sĩ số hàng tháng; nguồn kinh phí phân bổ theo tháng sẽ giúp cơ quan quản lý và nhà trường chủ động cân đối chi tiêu. Quy định này vừa nhân văn, vừa khả thi, góp phần duy trì sĩ số và nâng cao chất lượng giáo dục.	Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh được thực hiện vào tháng 12 để phù hợp với quy định của Luật NSNN. Việc cấp kinh phí sẽ do cơ quan kiểm soát thanh toán tại địa phương thực hiện theo quy định
	d) Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.			
IV	CHƯƠNG IV. HIỆU LỰC VÀ TRÁCH NHIỆM THI HÀNH	Sở GDĐT Điện Biên	Điều 10 Hiệu lực và trách nhiệm thi hành, đề nghị sửa tên Điều như sau để tên gọi được ngắn gọn: “Điều khoản thi hành”.	Tiếp thu
9	Điều 9. Tổ chức thực hiện			
9.1	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo			
	a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Nghị định này;			
	b) Tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này. Thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ.			
9.2	2. Bộ Tài chính			

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
	a) Bảo đảm nguồn ngân sách nhà nước thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách;			
	b) Cấp gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh trên cơ sở đề nghị của các tỉnh, thành phố biên giới, bảo đảm phù hợp với thời gian và sự tăng, giảm số lượng học sinh thụ hưởng chính sách trong mỗi học kỳ của năm học; báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả xuất cấp gạo dự trữ quốc gia theo quy định;			
	c) Chủ trì tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để thực hiện các chương trình, dự án tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục có đối tượng được hưởng chính sách tại Nghị định này được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành;	Bộ Tài chính	Đây là quy định về chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền, không liên quan đến đảm bảo cơ sở vật chất cho cơ sở giáo dục. Vì vậy, đề nghị bỏ quy định điểm c, đ khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định.	Đã tiếp thu và quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh, UBND xã theo phân cấp ngân sách
	d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí và gạo hỗ trợ cho các đối tượng được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này. Thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của Chính phủ;	Bộ Tài chính	Bộ GD&ĐT là Bộ chủ trì trình Chính phủ ban hành chính sách; vì vậy, việc kiểm tra chính sách thuộc trách nhiệm của Bộ GD&ĐT; vì vậy, đề nghị chuyển quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9 sang trách nhiệm của Bộ GD&ĐT khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định.	Không tiếp thu. Nội dung quy định thống nhất cách thực hiện đã được quy định tại Nghị định 66
	đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn xây dựng cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục có đối tượng được hưởng chính sách tại Nghị định này.			
9.3	3. Bộ Dân tộc và Tôn giáo			
	Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành, các địa phương chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này.			
9.4	4. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh)			

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
	a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh			
	Bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này. Mức hỗ trợ tại Nghị định này là mức tối thiểu, Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương có thể quyết định bổ sung chính sách hỗ trợ thêm cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn nếu phù hợp.	Sở GDĐT Điện Biên	Mức hỗ trợ tại Nghị định này là mức tối thiểu, Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương có thể quyết định bổ sung chính sách hỗ trợ thêm cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn nếu phù hợp.	Không tiếp thu. Hội đồng nhân dân có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định của Luật NSNN về phân cấp ngân sách
	b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			
	Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này, trong đó có hướng dẫn việc lựa chọn phương án tổ chức nấu ăn và sử dụng kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng thụ hưởng để thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ; kiểm tra, giám sát việc thực hiện và thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của Chính phủ.	Sở GDĐT TP Huế	Dự thảo Nghị định cần có quy định cụ thể về việc kiểm tra, giám sát chất lượng bữa ăn, an toàn thực phẩm để đảm bảo học sinh được thụ hưởng chính sách một cách tốt nhất.	Không tiếp thu. Dự thảo đã quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh về "kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách"
		Cục An ninh Chính trị nội bộ (Bộ CA)	đề nghị sửa thành: “Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này, trong đó có việc hướng dẫn việc lựa chọn phương án tổ chức nấu ăn và sử dụng kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng thụ hưởng để thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ; kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi bớt xén tiêu chuẩn ăn của học sinh và các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định; thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định”. Lý do: Tại Thông báo số 177-TB/VPTW ngày 25/4/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của Đồng chí Tổng bí thư Tô Lâm, có nội dung chỉ đạo: “Trong quá trình tổ chức thực hiện cần tăng cường kiểm tra, giám sát, nghiêm cấm việc bớt xén tiêu chuẩn ăn của học sinh”.	Đã tiếp thu tại dự thảo Nghị định "Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi bớt xén tiêu chuẩn ăn của học sinh và các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định"
		Đinh Quang Tuấn (Bộ Công An)	Đề nghị bổ sung cụm từ “kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi bớt xén tiêu chuẩn ăn của học sinh và các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định” vào sau cụm từ “... theo quy định của Chính phủ”. Lý do: Tại Thông báo số 177-TB/VPTW ngày 25/4/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo Kết luận của Đ/c Tổng bí thư Tô Lâm, có nội dung chỉ đạo: “Trong quá trình tổ chức thực hiện cần tăng cường kiểm tra, giám sát, nghiêm cấm việc bớt xén tiêu chuẩn ăn của học sinh”	Đã tiếp thu tại dự thảo Nghị định "Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi bớt xén tiêu chuẩn ăn của học sinh và các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định"

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		Nguyễn Lan Hương (Vụ GDPT)	Điểm b khoản 4 Điều 9: cân nhắc việc quy định “hướng dẫn việc lựa chọn phương án tổ chức nấu ăn và sử dụng kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh” hay “hướng dẫn việc tổ chức triển khai bữa ăn cho học sinh...” (theo đúng thuật ngữ dùng tại Khoản 1 Điều 4.	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo "Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này, trong đó có hướng dẫn việc sử dụng kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng thụ hưởng để thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ"
		Sở GDĐT Nghệ An	Tại điểm b khoản 4 điều 9 dự thảo Nghị định quy định: “b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này, trong đó có hướng dẫn việc lựa chọn phương án tổ chức nấu ăn và sử dụng kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng thụ hưởng để thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ; kiểm tra, giám sát việc thực hiện và thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của Chính phủ" Điều kiện kinh tế xã hội ở các xã biên giới còn nhiều khó khăn, do đó việc huy động kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh từ phụ huynh học sinh sẽ không có tính khả thi. Trong khi điều kiện ngân sách ở một số tỉnh có các xã biên giới còn hạn hẹp. Do đó đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các bộ, ngành tham mưu Chính phủ bổ sung thêm chính sách hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho các trường ở xã biên giới	Dự thảo Nghị định đã quy định chính sách hỗ trợ cho cơ sở giáo dục tổ chức bữa ăn trưa cho học sinh quy định tại khoản 2 Điều 4 (cách thức triển khai)
		Sở GDĐT Quảng Ninh	Đề nghị xem xét điều chỉnh thành: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này. Lý do đề nghị điều chỉnh: Trong dự thảo Nghị định không quy định về chính sách phục vụ nấu ăn cho cơ sở giáo dục.	Không tiếp thu. Chính sách cho cơ sở giáo dục tự tổ chức bữa ăn trưa tập trung cho học sinh tại Điều 4 dự thảo Nghị định
		Lê Văn Tuấn (Vụ HSSV)	Về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại điểm b khoản 4 Điều 9. Tổ chức thực hiện: Đề nghị nghiên cứu bổ sung, quy định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc đảm bảo cơ sở vật chất và nhân lực để tổ chức bữa ăn bán trú hiệu quả tại trường học, cụ thể như sau: - Chỉ đạo rà soát, cải tạo, xây mới, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng phục vụ công tác tổ chức bữa ăn trưa tại trường học, bảo đảm an toàn thực phẩm và dinh dưỡng hợp lý kết hợp với tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh trong trường học. - Bố trí đủ nhân lực và tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, nhân viên nhà bếp đảm bảo hiệu quả nhiệm vụ tổ chức bữa ăn trưa theo quy định tại Nghị định này.	Đã quy định tại dự thảo

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		Nguyễn Nho Huy (Vụ HSSV)	Về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại điểm b khoản 4 Điều 9. Tổ chức thực hiện: Đề nghị nghiên cứu bổ sung, quy định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc đảm bảo cơ sở vật chất và nhân lực để tổ chức bữa ăn bán trú hiệu quả tại trường học, cụ thể như sau: - Chỉ đạo rà soát, cải tạo, xây mới, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng phục vụ công tác tổ chức bữa ăn trưa tại trường học, bảo đảm an toàn thực phẩm và dinh dưỡng hợp lý kết hợp với tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh trong trường học. - Bố trí đủ nhân lực và tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, nhân viên nhà bếp đảm bảo hiệu quả nhiệm vụ tổ chức bữa ăn trưa theo quy định tại Nghị định này.	Đã quy định tại dự thảo
		Bộ Tư pháp	Tại Thông báo số 177-TB/VPTW chỉ đạo: “. Trong quá trình tổ chức thực hiện cần tăng cường kiểm tra, giám sát, nghiêm cấm việc bớt xén tiêu chuẩn ăn của học sinh...”. Nội dung này cần được nghiên cứu, cụ thể hóa tại dự thảo Nghị định, theo đó, cần nhắc bổ sung quy định về trách nhiệm kiểm tra của địa phương đối với việc thực hiện chính sách của các cơ sở giáo dục tại khoản 4 Điều 9 dự thảo Nghị định để đảm bảo thực hiện đúng chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và phát huy hiệu quả của chính sách.	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo
		Bùi Thu Hà (Sở GDĐT Quảng Ninh)	Tại điểm b khoản 4 Điều 9 đang dự thảo: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này, trong đó có hướng dẫn việc lựa chọn phương án tổ chức nấu ăn và sử dụng kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh bán trú, học sinh dân tộc nội trú phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng thụ hưởng để thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ; kiểm tra, giám sát việc thực hiện và thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của Chính phủ; - Đề nghị xem xét điều chỉnh thành: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này. - Lý do đề nghị điều chỉnh: Trong dự thảo Nghị định không quy định về chính sách phục vụ nấu ăn cho cơ sở giáo dục.	Đã quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo
	Xây dựng dự toán ngân sách hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để quyết định các giải pháp bảo đảm cân đối nguồn lực tài chính cho thực hiện chính sách tại địa phương; tổ chức kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với quá trình chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.	Sở GDĐT Cao Bằng	Tại khổ 2 điểm b khoản 4 Điều 9, đề nghị bỏ trách nhiệm "kiểm toán" của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không có thẩm quyền kiểm toán.	Tiếp thu. Đã bỏ cụm từ "kiểm toán" tại dự thảo
		Sở GDĐT Điện Biên	Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này tổng hợp vào kế hoạch các chương trình, dự án và kế hoạch ngân sách địa phương gửi Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian báo cáo kế hoạch Nhà nước hằng năm.	Kế hoạch/dự toán cần gửi UBND xã, cấp tỉnh theo quy định của Luật NSNN về phân cấp ngân sách

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		Bộ Tư pháp	Tại Thông báo số 177-TB/VPTW chỉ đạo: “. Trong quá trình tổ chức thực hiện cần tăng cường kiểm tra, giám sát, nghiêm cấm việc bớt xén tiêu chuẩn ăn của học sinh...”. Nội dung này cần được nghiên cứu, cụ thể hóa tại dự thảo Nghị định, theo đó, cần nhắc bổ sung quy định về trách nhiệm kiểm tra của địa phương đối với việc thực hiện chính sách của các cơ sở giáo dục tại khoản 4 Điều 9 dự thảo Nghị định để đảm bảo thực hiện đúng chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và phát huy hiệu quả của chính sách.	Đã tiếp thu và quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh, UBND xã
		Sở GDĐT Điện Biên	Chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm việc thực hiện chính sách đúng đối tượng, mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ của năm học; hằng năm tổng kết, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện chính sách gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ.	Đã tiếp thu và quy định tại dự thảo Nghị định
	Tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền và phân bổ bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này.			
		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Nghiên cứu bổ sung trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, khu đặc khu kinh tế để đảm bảo việc phân cấp sâu khi thực hiện phân cấp theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.	Đã bổ sung tại dự thảo
		Đỗ Quyết Tiến (Bộ DT và TG)	Nghiên cứu bổ sung trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu kinh tế đảm bảo việc phân cấp sâu để việc triển khai Nghị định theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp được thông suốt.	
10	Điều 10. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành			
10.1	1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 20...			
		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	b) Đề nghị bổ sung nội dung sau vào khoản 1 Điều 10 dự thảo: “ Xã biên giới trong nghị định này áp dụng trên địa bàn quy định tại phụ lục của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/4/2014 Quy định về khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho đến khi có Nghị định thay thế Nghị định số 34/2014/NĐ-CP”	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo "2. Xã biên giới trong Nghị định này áp dụng trên địa bàn theo quy định của Chính phủ"
		Vũ Thị Ánh (Vụ GDPT)	Đề nghị bổ sung nội dung sau vào khoản 1 Điều 10 dự thảo: “ Xã biên giới trong nghị định này áp dụng trên địa bàn quy định tại phụ lục của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/4/2014 Quy định về khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho đến khi có Nghị định thay thế Nghị định số 34/2014/NĐ-CP”	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo "2. Xã biên giới trong Nghị định này áp dụng trên địa bàn theo quy định của Chính phủ"

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
10.2	2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.			
		Mai Huy Phương (PGĐ, SGDDT Quảng trị)	Đề nghị bổ sung thêm Khoản 2 tại Điều 10 như sau: “Khi những văn bản được dẫn chiếu để quy định tại Nghị định này có điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định theo văn bản điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế.”	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo "3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung đó."
		Định Ngọc Hà (Sở GDĐT Quảng Trị)	Đề nghị bổ sung thêm Khoản 2 tại Điều 10 như sau: “Khi những văn bản được dẫn chiếu để quy định tại Nghị định này có điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định theo văn bản điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế.”	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo "3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung đó."
11	Phụ lục	Sở GDĐT tỉnh Lạng Sơn	Đề nghị sửa tên gọi mẫu số 1 tại trang 8 hồ sơ thành “Đơn đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa” đảm bảo thống nhất, đúng đối tượng quy định trong dự thảo Nghị định.	Đã tiếp thu ý kiến của các cơ quan, bỏ quy định nộp Đơn đề nghị tại khoản này
		Sở GDĐT Điện Biên	Mẫu số 01 Đơn đề nghị hưởng chính sách học sinh bán trú, đề nghị sửa một số nội dung sau: a) Trích yếu của Đơn đề nghị sửa như sau để phù hợp với nội dung của Đơn: “Đơn đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa”. b) Mục “Số định danh cá nhân/căn cước công dân/căn cước”, đề nghị sửa như sau để bảo đảm chính xác, tránh trùng lặp: “Số định danh cá nhân”.	Đã tiếp thu ý kiến của các cơ quan, bỏ quy định nộp Đơn đề nghị tại khoản này
		Sở GDĐT Quảng Ninh	Tại Mẫu số 02 và Mẫu số 04 đề nghị điều chỉnh tiêu đề thành: Ủy ban nhân dân cấp xã/Sở Giáo dục và Đào tạo và Mẫu này dùng cho các cơ sở giáo dục để phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1, Điều 8 tại dự thảo Nghị định	Tiếp thu mẫu 2 (dành cho cơ sở giáo dục); không tiếp thu mẫu 4 (cho Phòng Văn hóa - Xã hội/Sở GDĐT)
		Bùi Thu Hà (Sở GDĐT Quảng Ninh)	Phụ lục Dự thảo, đề nghị điều chỉnh một số nội dung như sau: - Tại Mẫu số 02 và Mẫu số 04 đề nghị điều chỉnh tiêu đề thành: Ủy ban nhân dân cấp xã/Sở Giáo dục và Đào tạo và Mẫu này dùng cho các cơ sở giáo dục để phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1, Điều 8 tại dự thảo Nghị định.	Tiếp thu mẫu 2 (dành cho cơ sở giáo dục); không tiếp thu mẫu 4 (cho Phòng Văn hóa - Xã hội/Sở GDĐT)
		UBND tỉnh An Giang	Tại trang 9 (Mẫu số 02) và trang 11 (Mẫu số 04): Cần xem xét, điều chỉnh chỗ vị trí tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản thành: CƠ QUAN CHỦ QUẢN/TÊN ĐƠN VỊ; Mẫu này dùng cho các cơ sở giáo dục để phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1, Điều 8 tại dự thảo Nghị định	Tiếp thu mẫu 2 (dành cho cơ sở giáo dục); không tiếp thu mẫu 4 (cho Phòng Văn hóa - Xã hội/Sở GDĐT)

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		UBND tỉnh An Giang	Phụ lục Mẫu số 04 “Tổng hợp kinh phí hỗ trợ trẻ em nhà trẻ bán trú (dùng cho Phòng giáo dục và Đào tạo)”: cần xem xét, điều chỉnh thành “Dự toán đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở (dùng cho Ủy ban nhân dân cấp xã Sở Giáo dục và Đào tạo)” nhằm đảm bảo phù hợp theo tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, đồng thời thống nhất với nội dung Biểu mẫu số 04 (trang 11) kèm Nghị định	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo
		Bùi Thu Hà (Sở GDĐT Quảng Ninh)	Phụ lục Dự thảo, đề nghị điều chỉnh một số nội dung như sau: - Tại danh mục mẫu số 04 dự thảo đang đề tên là Tổng hợp kinh phí hỗ trợ trẻ em nhà trẻ bán trú (dùng cho Phòng giáo dục và Đào tạo), đề nghị điều chỉnh thành “Dự toán đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học, THCS”.	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo
		Sở GDĐT tỉnh Lạng Sơn	Đề nghị sửa tên gọi mẫu số 4 tại trang 7 hồ sơ thành “Dự toán đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học, THCS (dùng cho Phòng Văn hóa - Xã hội/Sở Giáo dục và Đào tạo)” đảm bảo thống nhất về tên gọi, đúng đối tượng quy định trong dự thảo Nghị định, phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp.	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo
		Sở GDĐT Quảng Ninh	Tại danh mục mẫu số 04 dự thảo đang đề tên là Tổng hợp kinh phí hỗ trợ trẻ em nhà trẻ bán trú (dùng cho Phòng giáo dục và Đào tạo), đề nghị điều chỉnh thành “Dự toán đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học, THCS”	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo
		Sở GDĐT Điện Biên	Tại bảng kê các mẫu biểu, mẫu số 04: “Tổng hợp kinh phí hỗ trợ trẻ em nhà trẻ bán trú (dùng cho Phòng Giáo dục và Đào tạo), đề nghị sửa như sau để bảo đảm chính xác Mẫu số 04: “Dự toán đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học, THCS (dùng cho phòng Văn hóa - Xã hội Sở Giáo dục và Đào tạo)”	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo
13	Góp ý khác			
		Sở GDĐT Quảng Ninh	Đề nghị sửa tên Nghị định: Quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa tại trường cho học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở đang học tại các cơ sở giáo dục ở xã biên giới đất liền. Lý do đề nghị: để không gây nhầm lẫn với đối tượng ở xã biên giới đất liền học ở địa bàn khác	Không tiếp thu. Lý do: Nghị định quy định chính sách cho học sinh học ở các xã biên giới đất liền (không phải là đối tượng ở xã biên giới đất liền)
		Nguyễn Lan Hương (Vụ GDPT)	Đề nghị nghiên cứu 1 số vấn đề có thể phát sinh để tạo thuận lợi cho cơ sở giáo dục và địa phương trong công tác triển khai, tránh chờ văn bản hướng dẫn: nếu trường chưa tổ chức học 2 buổi/ngày thì học sinh có được phát tiền không? Có được lĩnh gạo đem về nhà không? Nếu trường không tổ chức nấu ăn mà chọn hình thức sử dụng bữa ăn của nhà cung cấp dịch vụ thì học sinh có được lĩnh gạo mang về không?	Thực hiện Thông báo số 177-TB/VPTW, cơ sở giáo dục sẽ tổ chức ăn bữa trưa tập trung cho học sinh

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		Đỗ Quyết Tiến (Bộ DT và TG)	Xem xét làm rõ đối tượng thụ hưởng, địa bàn thụ hưởng chính sách để tránh tình trạng xảy như: việc lợi dụng chính sách, chạy trường chạy lớp, ảnh hưởng đến việc tuyển sinh các cơ sở giáo dục lân cận...từ đó tiềm ẩn nguy cơ i lại, trông chờ chính sách dẫn đến tình trạng bất bình đẳng trong giáo dục.	Thực hiện Thông báo số 177-TB/VPTW, cơ sở giáo dục sẽ tổ chức ăn bữa trưa tập trung cho học sinh, cho toàn bộ học sinh học tại các xã biên giới đất liền (bao gồm cả học sinh dân tộc thiểu số, học sinh người Kinh sinh sống tại các xã biên giới)
		Sở GDĐT Tuyên Quang	Bổ sung quy định kiểm tra, giám sát chất lượng bữa ăn, có sự tham gia của phụ huynh hoặc tổ chức đoàn thể.	Đã quy định trách nhiệm của từng Bộ, cơ quan trung ương và địa phương liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị định này
		Bộ Nội vụ	Đối với cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức tại địa phương có đối tượng thụ hưởng chính sách (như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội phụ huynh học sinh) đề nghị xem xét quy định rõ hơn trong dự thảo để đảm bảo sự tham gia hiệu quả của các bên liên quan.	Dự thảo đã quy định trách nhiệm tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát cho HĐND, UBND các cấp và cơ quan, bộ, ngành liên quan theo phạm vi, lĩnh vực quản lý
		Sở GDĐT Nghệ An	Đề tạo thuận lợi trong thi hành chính sách và tiết kiệm nguồn lực, đề nghị cân có sự thống nhất đối với phương thức, kinh phí vận chuyển, giao nhận gạo tại Nghị định này thống nhất với phương thức, kinh phí vận chuyển, giao nhận gạo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ	Thực hiện theo ý kiến Bộ Tài chính tại Điều 6 dự thảo Nghị định
		Đinh Ngọc Sơn (Sở GDĐT Quảng Ninh)	Sửa tên thành "Quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa tại trường cho học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở đang học tại các cơ sở giáo dục ở xã biên giới đất liền"	Thực hiện theo Thông báo số 452/TB-VPCP ngày 28/8/2025

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		Bộ Nội vụ	Cần làm rõ hơn về quy trình, hồ sơ, phương thức hỗ trợ, thanh toán (tiền mặt/chuyển khoản/giao) để thuận lợi cho các đối tượng, các trường học thụ hưởng chính sách đạt hiệu quả cao và ngăn chặn được nguy cơ lợi dụng chính sách, góp phần thúc đẩy bình đẳng giáo dục và phát triển bền vững vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Quy trình xét duyệt đối tượng hưởng chính sách đã được quy định tại Điều 5 và Điều 6 của dự thảo Nghị định. Các bước thực hiện đều được thông báo rộng rãi và công khai. Phương thức hỗ trợ đã được quy định tại Điều 4 của Nghị định (1. Cơ sở giáo dục được chủ động tổ chức triển khai bữa ăn cho học sinh căn cứ vào điều kiện thực tế, đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định). Điều này có nghĩa là cơ sở giáo dục sẽ tổ chức ăn tập trung, không phát tiền, gạo trực tiếp cho đối tượng được hưởng chính sách. Việc quy định chính sách cho học sinh "học ở" các xã biên giới đất liền là để đảm bảo mọi học sinh theo học tại trường đều được hưởng chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa, góp phần thúc đẩy bình đẳng giáo dục.
C	Dự thảo Tờ trình Chính phủ			
		Đinh Ngọc Hà (Sở GDĐT Quảng Trị)	Nhất trí với dự thảo	
		Đinh Ngọc Sơn (Sở GDĐT Quảng Ninh)	Nhất trí với dự thảo	
		Lê Văn Tuấn (Vụ HSSV)	Nhất trí với dự thảo	

STT	Điều/khoản dự thảo Nghị định/Tờ trình Chính phủ	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, thuyết minh
		Nguyễn Nho Huy (Vụ HSSV)	Nhất trí với dự thảo	
		Đinh Quang Tuấn (Bộ Công An)	Nhất trí với dự thảo	
		Vũ Thị Ánh (Vụ GDPT)	Nhất trí với dự thảo	
		Nguyễn Quan Trung (Bộ QP)	Nhất trí với dự thảo	
		Nguyễn Lăng (Sở GD Tuyên Quang)	Nhất trí với dự thảo	
		Đinh Thế Hiệp (Sở GD Tuyên Quang)	Nhất trí với dự thảo	
		Sở GDĐT Quảng Ninh	Đối với các nội dung tại dự thảo Tờ trình đề nghị điều chỉnh theo các ý kiến đã tham gia tại dự thảo Nghị định	Đã tiếp thu